



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382
Email: idisefood@vnn.vn
Website: idisefood.com



MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT	3-3
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	
I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG	
1.1 Thành lập	4-4
1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ	4-4
1.3 Các sự kiện khác	4-5
II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN	
2.1 Ngành nghề kinh doanh	5-5
2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển	6-6
III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	9-9
3.1 Các mục tiêu chính của công ty	9-19
3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn	20-20
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH	21-24
II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM	24-24
III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015	24-27
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	
1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh	27-30
1.2 Tình hình tài chính	30-30
1.2.1 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng thanh toán	30-31
1.2.2 Các chỉ số thể hiện mức hoạt động	31-31
1.2.3 Các chỉ số thể hiện hệ số nợ	31-31
1.2.4 Các chỉ số thể hiện khả năng sinh lãi	32-32
II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ	32-36
2.2 Nguyên vật liệu	36-38
2.3 Trình độ công nghệ	38-40
2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới	40-44
2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	45-45
2.6 Hoạt động Marketing	45-47
2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)	48-48
2.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	48-48
III/ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015.	
3.1 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014	48-55
3.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015	55-64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	64-96
TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY	
I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC	97-97
II/ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN	
2.1 Hội đồng quản trị	98-99
2.2 Ban Tổng giám đốc	99-99
2.3 Ban kiểm soát	99-99
2.4 Các phòng ban khác	99-99
III/ THÔNG TIN HĐQT, BAN GPĐ, BAN KIỂM SOÁT.	99-107
IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM	107-107
V/ NGUỒN NHÂN LỰC	
4.1 Lực lượng lao động	107-108
4.2 Chính sách đối với người lao động	108-108
4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo	108-108
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	
I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY	
1.1 Hội đồng quản trị	108-108
1.2 Ban kiểm soát	109-109
II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	109-109
2.2 Danh sách cổ đông sáng lập	109-110
2.3 Cơ cấu cổ đông	111-111
2.4 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI	111-112
2.5 Doanh nghiệp mà IDI đang nắm quyền kiểm soát	113-115



THƯ NGỎ !

CHỦ TỊCH HĐQT.CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA (IDI)



Kính thưa quý cổ đông!

Năm 2014 đã qua, một năm không dễ dàng để các doanh nghiệp thiếu ý chí vượt qua vòng xoáy của cơn bão tài chính kéo dài suốt sáu năm nay. Một năm mà kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam như một bức tranh được vẽ bằng nhiều gam màu sáng, tối đan xen lẫn nhau. Kinh tế thế giới với sự phục hồi mạnh mẽ, vững chắc của đầu tàu Mỹ là điểm sáng lớn nhất, trong khi nền kinh tế số 2 thế giới Trung Quốc tăng trưởng chậm lại, báo hiệu một phần của sự tiềm ẩn nhiều rủi ro; Nền kinh tế Nhật Bản lớn thứ 3 thế giới tiếp tục rơi vào suy thoái và khu vực đồng tiền chung Châu Âu đang bị nguy cơ khủng hoảng quay trở lại. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng GDP cả năm đạt mức 5,98%, lạm phát giữ ở mức thấp chỉ 2%, lãi suất cho vay liên tục giảm, xuất khẩu hàng hóa tăng đạt mức kỷ lục 150 tỷ USD, cải cách thủ tục hành chính nhà Nước đã có nhiều tiến bộ. Tuy vậy, nền kinh tế vẫn còn đó những bất cập như: tốc độ tái cấu trúc nền kinh tế diễn ra còn chậm, năng suất lao động thấp, một số không nhỏ Ngân hàng cần phải được cơ cấu lại, sức khỏe của hệ thống doanh nghiệp còn yếu, và đặc biệt trong năm có đến 67.800 doanh nghiệp giải thể ngừng hoạt động.

Công ty IDI của chúng ta cũng không dễ tiến bước khi nằm chung trong một tổng thể của nền kinh tế đó. Trước một số khó khăn đã được dự báo, bản thân tôi cũng như tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đã cần mẫn và thận trọng để lái con tàu IDI vượt bão với sự chung sức của hơn ba ngàn mái chèo từ Ban lãnh đạo đến tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty, để không phụ lòng niềm tin và sự kỳ vọng của Quý cổ đông. Nhờ vào ý chí, nỗ lực và sự đoàn kết của chúng ta mà giờ đây con tàu IDI đã chính thức vượt bão với đầy ắp những thành quả đạt được ngoài sự kỳ vọng của tôi cũng như Ban lãnh đạo của Công ty.

Giờ đây chúng ta đang đứng trước cơ hội rất lớn để đưa con tàu IDI qua một giai đoạn phát triển mới, một tầm cao mới. Chúng ta đang có những đối tác chiến lược hợp tác toàn diện, những khách hàng tốt, những người bạn trung thành và đặc biệt là những sản phẩm độc đáo, trong đó có dầu cá cao cấp Ranee. Một sản vật quý báu lần đầu tiên được khai sinh tại doanh nghiệp IDI, sự ra đời của nó được kết tinh từ sự làm việc hăng say và sáng tạo của tập thể Đại gia đình IDI chúng ta. Dầu cá cao cấp Ranee có nhiều dưỡng chất tự nhiên có đặc tính bổ dưỡng, đặc biệt được viện dinh dưỡng quốc gia đỡ đầu và đã được các chuyên gia dinh dưỡng đánh giá rất cao. Kết quả này đã cho chúng ta thấy một niềm tin chiến thắng vô cùng to lớn. Mặc dù là một **kỹ sư xây dựng** nhưng tôi luôn ấp ủ sẽ “*xây dựng*” được một trái tim Việt đủ khỏe, một tâm hồn Việt đủ trong sáng để góp phần phát triển Đất nước ngày một tươi đẹp hơn. Biết rằng ước mơ không dễ thực hiện nhưng giờ đây khi sản phẩm dầu cá Ranee ra đời, đã hiện thực hóa hoài bão của tôi thành sự thật.

Kính thưa Quý cổ đông!

Là một cổ đông sáng lập cũng như người đã khai sáng ra Công ty IDI tôi luôn thầm mơ ước sẽ xây dựng mái nhà này trở thành lâu đài khang trang, phồn thịnh bằng cả lòng nhiệt huyết và trái tim của mình. Tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự đồng thuận cũng như đồng hành của Quý cổ đông trên con đường phát triển trong tương lai. Xin gửi lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công đến toàn thể các thành viên trong Đại gia đình IDI.

Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
(Đã ký)
Lê Thanh Thuấn



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1.1 Thành lập

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 13 số 0303141296 ngày 04/02/2015.

- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : International Development & Investment Corporation.
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký : 855.000.000.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp : 855.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80. Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại : 067 3680 383 Fax: 067 3680 382
- Website : www.idiseafood.com
- Email : idiseafood@vnn.vn
- Mã số thuế : 0303141296

1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

- o *Đăng ký lần đầu*: Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.
- o *Thay đổi lần 1*: Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.
- o *Thay đổi lần 2*: Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.
- o *Thay đổi lần 3*: Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/6/2008.
- o *Tăng vốn lần 4*: Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 24/8/2010.
- o *Tăng vốn lần 5*: Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.
- o *Tăng vốn lần 6*: Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 23/01/2015, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

1.3 Các sự kiện khác

- Trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:
- Tháng 10/2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về thành tích xuất sắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
 - Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009” và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là



một trong 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất nhận giải thưởng “Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009”.

- Tháng 03/2010: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở “Trong sạch, vững mạnh” tiêu biểu 3 năm liền.

- Tháng 04/2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.

- Tháng 11/2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.

- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu “Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam” lần thứ hai – Năm 2012.

- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2011.

- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.

- Ngày 22/02/2013: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2012.

- Ngày 31/12/2013: Công ty điện lực Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả năm 2013.

- Ngày 27/04/2014: Bộ Công thương tặng bằng khen cho Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.

II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

○ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.

○ Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.

○ Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.

○ Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.

○ Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

○ Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.

○ Kinh doanh bất động sản.

○ Sản xuất và kinh doanh dầu cá.



2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển Công ty.

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.

- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23 ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động. Ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, IDI cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng (giai đoạn I), diện tích sử dụng 10.600m². Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10 ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2012 đầu tư Nhà máy tinh luyện dầu cá đến cuối tháng 6/2013 đã hoàn thành đưa vào khai thác. Tháng 12 năm 2014 sản phẩm dầu cá cao cấp Raneer chính thức đi vào hệ thống siêu thị Việt nam.

- Ngoài ra, I.D.I có tên trong Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.





Cổng chính vào nhà máy Thủy Sản Đa Quốc Gia trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống



IDI NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM





Cụm Công Nghiệp Vầm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản



III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

3.1 Các mục tiêu chính của Công ty

- Cá tra là đặc sản của người tiêu dùng trên thế giới và là sản vật của đất nước ta. Đứng trước một đất nước Việt Nam đang đổi mới từng giờ và tầm nhìn đến năm 2020 thì ngành thủy sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, cơ hội sinh lời cao và luôn đóng một vai trò quan trọng để phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp của quốc gia. Nên hiện tại IDI đang tập trung hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín cho chuỗi thủy sản như sau:



3.1.1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi một cách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do chất lượng đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non và đẻ nhiều lần trong năm, dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo trong việc nuôi cá như:

- Tỷ lệ hao hụt: lớn khoảng 30 – 35%, một số ao nuôi tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 45%.

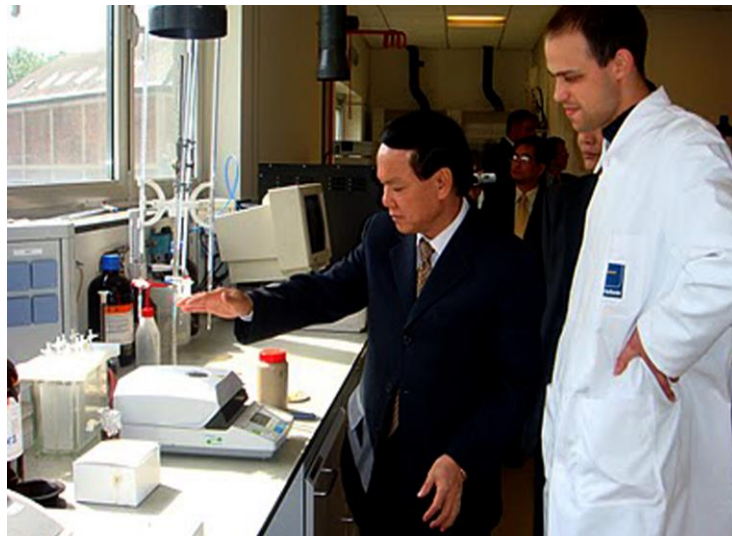
- Chi phí nuôi tăng cao: Trước đây do giống cá tra còn tốt nên thời gian nuôi bình quân khoảng 5-6 tháng là cá đã đạt tiêu chuẩn sản xuất (0.8 – 0.9 kg/con) với hệ số thức ăn chỉ khoảng 1.5kg. Còn hiện nay để đạt được Size cá trên người nuôi phải mất khoảng 8-9 tháng với hệ số thức ăn 1.55 – 1.6kg.

- Chất lượng cá nguyên liệu giảm: Chất lượng giống cá tra thấp không những ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ sống của cá nuôi, năng suất và thời vụ... mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng cá nguyên liệu, cá dễ bị còi cọc, dị hình, màu thịt xấu, tỷ lệ thu hồi fillet giảm.

- Dịch bệnh nhiều hơn: Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ, tỷ lệ cá tra nuôi ở ĐBSCL bị nhiễm bệnh là khá cao. Hầu như tất cả các vùng nuôi đều xuất hiện những loại bệnh phổ biến trên cá tra như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mù... Có những vùng nuôi, tỷ lệ cá tra nhiễm bệnh gần như tới 100%. Cá tra ở ĐBSCL bị bệnh từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng... hoặc bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe...), giáp xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh dưỡng cho cá không cân đối đã gây ra hội chứng thiếu vitamin, thiếu canxi; môi trường vùng nuôi bị ô nhiễm....

- Trước những thách thức trên và mục tiêu phát triển bền vững thì yêu cầu cấp bách đặt ra là Công ty cần phải xây dựng một trung tâm giống hiện đại, ứng dụng công nghệ hiện đại từ việc lai tạo, phát triển những gen tốt cho ra cá tra giống tốt để khắc phục những nhược điểm hiện tại như rút ngắn thời gian nuôi, giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng cho cá... Từ đó sẽ giảm chi phí trong việc nuôi cá, kiểm soát giá thành trong việc nuôi, nâng cao chất lượng cá

thành phẩm giúp cho sản phẩm của Công ty có chất lượng tốt, có tính cạnh tranh hơn và là một trong những chìa khóa để phát triển bền vững cho con cá tra Việt Nam.



Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc với đối tác để đầu tư phát triển theo chiều sâu.

3.1.2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Với mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nỗ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặt khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

- Với tầm quan trọng như trên thì Công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi đến năm 2017 thì diện tích vùng nuôi của Công ty đạt khoảng 150 ha và đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P. Công ty đã lập dự án nuôi cá tra với diện tích 34 hecta tại Cồn Quạ xã Định Yên, huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp, bên cạnh đó Công ty cũng đã hoàn thành hồ sơ để mua lại vùng nuôi tại huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang với diện tích gần 36 hecta. Như vậy dự kiến cuối năm 2015 diện tích tự nuôi cá của Công ty đạt gần 110 hecta, kết hợp với hình thức nuôi liên kết cùng người nông dân để đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoản 75-80% so với nhu cầu. Các chính sách đi kèm là hỗ trợ người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng Công ty trên tinh thần hợp tác cả hai cùng có lợi.



Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

- Ngoài ra Công ty đang thực hiện việc nuôi cá Diêu hồng và cá rô phi để bổ sung thêm sản phẩm mới và đa dạng hóa sản phẩm của Công ty để xuất khẩu. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao diện tích mặt nước của khu bãi bồi Cồn Quạ nằm trên sông Hậu. Công ty đã thực hiện việc nuôi cá diêu hồng, rô phi với tổng số gần 60 lồng, phát triển đến cuối năm 2015 dự kiến sẽ đạt 100 lồng và tiếp tục phát triển trong các năm tới.



3.1.3) Nâng công suất hoạt động và xây dựng thêm nhà máy chế biến cá tra fillet xuất khẩu:

- Với lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi của Công ty kết hợp với nuôi liên kết sẽ được đưa về nhà máy chế biến đông lạnh để fillet xuất khẩu. Với công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ) thì hiện tại công suất của nhà máy hoạt động trong những tháng đầu năm 2014 là khoảng 250 tấn nguyên liệu/ngày và đã đạt gần 300 tấn nguyên liệu/ngày vào cuối năm 2014. Công ty đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 2 với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ và dự kiến sẽ hoàn thành trong tháng 9/2015 nhằm mở rộng quy mô hoạt động của Công ty lên một tầm cao mới.



Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI

3.1.4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:

- Hiện tại nhà máy bột cá, mỡ cá là một nhà máy của Công ty CP đầu tư du lịch & phát triển thủy sản Trisedco. Là một công ty liên kết của IDI với tỷ lệ góp vốn 45.33% và là một thành viên trong tập đoàn Sao Mai. Tận dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà

máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Hiện tại nhà máy đang hoạt động với công suất khoảng 180 tấn/ngày (công suất thiết kế là 240 tấn nguyên liệu/24 giờ). Việc nhà máy đông lạnh của IDI được mở rộng và nâng công suất thì nhà máy bột cá và mỡ cá mặc nhiên cũng sẽ được nâng công suất lên. Công ty đã ký hợp đồng nhập dây chuyền sản xuất bột cá, mỡ cá và dự kiến tháng 8/2015 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành thì công suất của nhà máy bột cá sẽ được nâng lên 400 nguyên liệu/24 giờ. Với Công suất này thì sẽ cho 88 tấn mỡ và 80 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đảm bảo được 90% nhu cầu mỡ cá nguyên liệu cho nhà máy tinh luyện dầu của chúng ta.



3.1.5) Hoàn thiện nhà máy tinh luyện dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

Chúng ta đã biết dầu cá, một sản phẩm không hề xa lạ với mọi người vì từ lâu đã được biết đến như là thực phẩm tốt cho tim mạch, sáng mắt, bổ não. Dầu cá phổ biến vẫn là loại được trích ly từ cá đánh bắt ở vùng biển sâu như cá hồi, cá ngừ, cá trích, . . . và sản lượng rất hạn chế không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng. Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm hơn 1 triệu tấn thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 140.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesterol, chứa nhiều các axit béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,3 %), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E... và các khoáng chất khác. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất an toàn vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu (mỡ) cá tra cũng rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay dầu cá tra thô (mỡ cá) đang được sử dụng lãng phí, sai mục đích. Trong khi đó, nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Người tiêu dùng đang ngày càng hướng về những sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng công nghệ tinh luyện hiện đại (tẩy sạch màu, loại hết tạp chất, đáng lưu ý là không còn mùi tanh, giữ được các thành phần bổ dưỡng) để chuyển dầu (mỡ) cá tra thô thành dầu ăn thành phẩm hảo hạng, phục vụ



người tiêu dùng. Từ những lý do trên, IDI đã đặt hàng và tập đoàn Desmet – vương quốc Bỉ đã nghiên cứu chế tạo và chuyển giao thành công công nghệ tinh luyện mỡ cá tra hiện đại, đảm bảo cho ra những sản phẩm tốt nhất, để chiên xào hoặc trộn salad trong bữa ăn hàng ngày của mọi gia đình hay làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm. Nhà máy tinh luyện mỡ cá tra của Công ty có công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động đầu tháng 7 năm 2013, tạo ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày, cung cấp ra thị trường các nhóm sản phẩm sau:



Hệ thống bồn chứa và trang thiết bị hiện đại của nhà máy tinh luyện dầu

A. **DẦU NỀN (OLEIN):** Là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:



A1. Cảm quan.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Vàng nhạt (3R/30Y)
2	Mùi	Đễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Lỏng, nhớt

A2. Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	≤ 10
3	E.Coli	≤ 03
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

A3. Đặc tính hóa lý.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$)	
2	Điểm mờ ($^{\circ}\text{C}$)	3.3°C
3	FFA (%)	≤ 0.26
4	IV (wijs)	≥ 80
5	PV (meq O_2)	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	≤ 3.49
7	Độ âm (ppm)	Không phát hiện

A4. Thành phần hóa học.

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	3.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pentadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	22.4
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.1
8	C17:0 (Margaric)	0.3
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	6.4
11	C18:1t (Petroselenic)	0.6
12	C18:1c (Oleic)	45.6
13	C18:2t (Linoleic)	0.5
14	C18:2c (Linoleic)	15.0
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.4
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	1.0



19	C22:0 (Beheric)	0.2
20	C22:1 (Cetoleic)	0.6
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.8
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.5
23	C20:5 (EPA)	0.1
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.1
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.2
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.1
27	C22:6 (DHA)	0.3
28	b-Caroten (ppm)	0.88
SFA (%)		≤ 32
MUFA (%)		≥ 50
PUFA (%)		≥ 18

A5. Công dụng:

Công nghệ tinh luyện hiện đại hàng đầu thế giới với hiệu suất thu hồi cao hơn 97%, đảm bảo lưu giữ hầu hết các dưỡng chất ban đầu đã cho phép Công ty IDI biến mỡ cá tra thô ĐBSCL thành sản phẩm dầu cá cao cấp Ranee đưa vào bếp ăn của mọi gia đình. Với cảm quan màu dầu rất đẹp, hoàn toàn không có mùi tanh và thành phần chính là các acid béo không no Omega 3, 6, 9, khoáng vi lượng canxi, vitamin E, đặc biệt là EPA, DHA dầu cá cao cấp Ranee không chỉ là một sản phẩm dầu ăn rất có giá trị cho người tiêu dùng mà còn là nguồn cung Omega 3, EPA, DHA dồi dào cho những ai cần loại dưỡng chất quý giá này. Ngoài ra không giống như cá biển, con cá tra ĐBSCL được nuôi xuất khẩu theo các tiêu chuẩn ATVSTP quốc tế nghiêm ngặt nên đương nhiên dầu cá cao cấp Ranee chiết xuất từ cá tra hoàn toàn không có nguy cơ gây mất an toàn với người tiêu dùng. Rõ ràng, sự ra đời của nhà máy tinh luyện dầu cá cao cấp Ranee của Công ty IDI đã tạo ra một tương lai mới tươi sáng hơn cho việc khai thác nguồn Omega 3, EPA, DHA vô tận từ ĐBSCL.

Theo những tài liệu khoa học được công bố, dầu cá có đến hơn 20 lợi ích đối với sức khỏe con người. Dùng dầu cá thường xuyên sẽ giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch, giúp điều trị huyết áp, chống béo phì, bảo vệ xương, da, mắt, tóc, móng tay, chống viêm, hỗ trợ điều trị hen suyễn, cải thiện tâm trạng, chống trầm cảm, tốt cho phụ nữ mang thai, có lợi cho hệ thần kinh, ngăn ngừa rối loạn tâm thần, tăng cường trí nhớ, hiệu quả làm việc và đặc biệt chống lại bệnh tiểu đường type 2, tăng cường hệ miễn dịch và giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh ung thư. Trong khi đó, theo số liệu báo cáo tại các hội thảo khoa học thì thực trạng bệnh ung thư ở Việt Nam rất đáng lo ngại: cứ 3 ngày có thêm 1 người mắc ung thư (hơn 110.000 cas/năm) và 2/3 số đó bị cướp đi mạng sống (hơn 80.000 trường hợp/năm).

Giờ đây, giải pháp đơn giản để ngăn ngừa ung thư là người Việt Nam chỉ cần thường xuyên bổ sung EPA và DHA vào cơ thể qua bữa ăn hàng ngày bằng phương pháp chiên xào bình thường bởi dầu cá cao cấp Ranee giàu Omega-3 do Công ty IDI sản xuất. Hơn thế nữa, trong bối cảnh một số quốc gia đang mất kiểm soát về an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực dầu ăn thì sự xuất hiện của dầu cá cao cấp Ranee như một tương lai đầy hứa hẹn cho người tiêu dùng.

Việc sở hữu loài cá tra basa độc tôn cũng như sự ra đời của nhà máy tinh luyện mỡ cá thành dầu ăn cao cấp Ranee đầu tiên trên thế giới đã khẳng định những giá trị mới mà Công ty IDI mang lại, không những đem đến cho người tiêu dùng một loại dầu ăn bổ dưỡng mà còn làm phong phú thêm nguồn cung Omega 3, EPA, DHA cho thế giới.



B. DẦU ĐẶC (STEARIN): Là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:



B1. Cảm quan.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Trắng ngà (0.3R/1.7Y)
2	Mùi	Dễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Đặc, sệt

B2. Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	≤ 10
3	E.Coli	≤ 03
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

B3. Đặc tính hóa lý.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy ($^{\circ}\text{C}$)	44°C
2	Điểm mờ ($^{\circ}\text{C}$)	
3	FFA (%)	≤ 0.16
4	IV (wijs)	≥ 57
5	PV (meq O_2)	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	≤ 2.62
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện



B4. Thành phần hóa học.

Stt	Tên axit hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	4.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	35.3
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.0
8	C17:0 (Margaric)	0.4
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	10.5
11	C18:1t (Petroselenic)	0.8
12	C18:1c (Oleic)	33.8
13	C18:2t (Linoleic)	0.4
14	C18:2c (Linoleic)	10.1
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.3
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	0.9
19	C22:0 (Beheric)	0.1
20	C22:1 (Cetoleic)	0.5
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.4
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.2
23	C20:5 (EPA)	0.0
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.0
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.1
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.0
27	C22:6 (DHA)	0.1
28	b-Caroten (ppm)	0.85
SFA (%)		≤ 50
MUFA (%)		≥ 38
PUFA (%)		≥ 12

B5. Công dụng:

Dầu đặc thu được sau tinh luyện có màu trắng đẹp, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 44⁰C, có thể được sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như: mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên, trái cây chiên đóng gói, . . . Ngoài ra, stearin là nguyên liệu chủ yếu và quan trọng nhất để chế biến shortening và margarine - sản phẩm sử dụng phổ biến trong công nghiệp thực phẩm, bánh kẹo.

Với công nghệ thiết bị hiện đại của Châu Âu, hoàn toàn tự động đã cho ra sản phẩm hoàn hảo và chính thức được bán trên thị trường trong nước tháng 12 năm 2014. Bộ phận kinh doanh của chúng ta cũng đã tìm các đối tác lớn từ trong cũng như ngoài nước để xúc tiến trong việc bán hàng và kết quả nhận được cũng rất ấn tượng. Từ những yếu tố như trên Công ty cố gắng đưa nhà máy hoạt động 100% công suất và sớm nâng công suất lên 200 tấn nguyên liệu/ngày.





NHÀ MÁY TINH LUYỆN DẦU CÁ

3.1.6) Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản:

Hiện tại mỗi năm Công ty IDI chúng ta đã mua thức ăn cho cá từ các công ty chế biến thức ăn với doanh số hàng năm lên đến gần 1.200 tỷ đồng và con số này tiếp tục được nâng lên cùng với sự phát triển của công ty. Trước tình hình như vậy Ban điều hành cũng đã vạch ra kế hoạch đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản dự kiến được khởi công vào đầu quý II/2015. Nhà máy này sẽ được đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại từ Châu Âu và sản phẩm dự kiến sẽ tốt hơn thức ăn thủy sản của các công ty hiện tại đang bán tại Việt Nam. Với số vốn đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng và công suất thiết kế giai đoạn 1 là 400 tấn thành phẩm/ngày. Dự kiến cuối năm 2015 sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất. Tận dụng từ nguồn nguyên liệu là bột cá từ nhà máy Trisedco đảm bảo cho nhà máy có được nguồn nguyên liệu ổn định để sản xuất thức ăn thủy sản cho cá có vảy cung cấp cho vùng nuôi cá diêu hồng, rô phi của Công ty. Bên cạnh đó với công suất thiết kế như trên thì cơ bản vẫn đảm bảo để nhà máy sản xuất đủ thức ăn cho vùng nuôi cá tra của công ty. Như vậy chuỗi sản xuất thủy sản của Công ty IDI chúng ta sẽ được khép kín. Từ đó góp phần hạ giá thành sản phẩm nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm đầu ra và sản phẩm của chúng ta có tính chất cạnh tranh hơn so với các đối thủ.



3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn Global GAP, ASC, BAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Trung Quốc, . . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Hàn Quốc, Trung Đông, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Châu Phi, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam đối với sản phẩm cá tra, cá diêu hồng, cá rô phi và cả dầu cá.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2013	Kế hoạch Năm 2014	Thực hiện năm 2014	Tăng giảm so với năm 2013		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	1,804,413	3,068,691	2,119,960	315,547	17.49%	-948,731	-30.92%
Tổng lợi nhuận sau thuế	41,098	142,051	90,419	49,321	120.01%	-51,632	-36.35%

➤ Doanh thu thuần năm 2014 tăng 315 tỷ đồng tương ứng với 17.49% so với năm 2013. Nguyên nhân là do trong năm 2014 công ty chúng ta phát triển thị trường mới rất tốt đặc biệt là thị trường Trung Quốc... Bên cạnh việc giữ vững thị trường truyền thống từ đó làm cho việc bán hàng của chúng ta thuận lợi hơn. Bên cạnh đó chúng ta cũng được bổ sung sản phẩm mới đó là dầu cá cao cấp Ranee cũng đã đóng góp vào doanh số trong năm 2014 gần 80 tỷ đồng. Như vậy hầu hết doanh thu trong năm đều đến từ việc kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và dầu cá và phần còn lại là lĩnh vực bất động sản chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong doanh thu do chúng ta thực hiện cơ cấu lại ngành nghề và sẽ không còn kinh doanh mảng bất động sản.

➤ So với kế hoạch năm 2014 thì doanh thu chúng ta chỉ thực hiện được gần 70% kế hoạch đề ra. Mặc dù chưa đạt kế hoạch đề ra nhưng so với các công ty cùng ngành thì tốc độ tăng trưởng bình quân qua các năm cho thấy tốc độ tăng trưởng của Công ty chúng ta khá tốt và tương đối nhanh, ổn định so với các công ty cùng ngành. Với tốc độ này trong vài năm tới chúng ta sẽ vươn lên nằm trong top đầu các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra, cá basa Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng như thế trước những năm kinh tế khủng hoảng cũng cho chúng ta thấy được khả năng điều hành của Ban giám đốc công ty trong thời gian qua và từ đó làm cơ sở để Hội đồng quản trị cũng như Quý cổ đông tin tưởng vào sự điều hành để phát triển trong tương lai.

➤ Lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng 49,321 triệu đồng so với năm 2013 tương ứng 120.01%. Kết quả này tuy chưa cao nhưng nó cũng cho thấy một nỗ lực rất lớn của Ban giám đốc trong năm 2014 được xem là năm không dễ dàng gì để các doanh nghiệp vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế đã kéo dài suốt sáu năm qua. So với kế hoạch thì chúng ta mới chỉ hoàn thành được 64% mà thôi. Nguyên nhân của kết quả khá khiêm tốn trên so với kế hoạch là do trong năm 2014 vừa qua có hàng loạt doanh nghiệp thủy sản lớn tiếp tục phá sản cho thấy một năm đầy khó khăn và các doanh nghiệp không đủ sức khỏe, tài chính không tốt kết hợp với áp lực xoay vòng vốn thì các doanh nghiệp này đã bán phá giá. Để giữ vững thị trường cũng như thị phần và kế hoạch về doanh số thì buộc Ban giám đốc phải hạ giá bán từ đó làm cho biên lợi nhuận tương đối thấp nhưng cũng đã cải thiện hơn so với năm 2013 rất nhiều. Năm 2015 này nguồn tín dụng Ngân hàng sẽ mở hơn năm 2014 tuy nhiên việc tiếp cận vốn cũng không dễ dàng gì do hầu hết các Ngân hàng vẫn không chịu rủi ro khi cục máu đông (nợ xấu) vẫn chưa tan. Trong khi kinh tế Thế giới được đánh giá sáng sủa hơn, từ đó các đơn hàng tăng dần lên và một số doanh nghiệp không đủ điều kiện sẽ bị loại khỏi cuộc chơi và kết quả là đẩy một lượng khách hàng truyền thống của họ sang những doanh nghiệp khỏe mạnh (tổng cầu có thể tăng nhẹ hoặc thậm chí không tăng nhưng tổng cung lại giảm) và biểu hiện là khách hàng của IDI chúng ta tăng lên trong năm 2014 và những tháng đầu năm 2015 là tương đối nhiều. Không những thế năm 2015 này việc thiếu hụt nguyên liệu sẽ là bài toán nan giải cho các doanh nghiệp chế biến bởi vì việc tiếp cận vốn của nông dân nuôi cá cũng như của một số



doanh nghiệp yếu kém cũng không dễ dàng chút nào dẫn đến việc treo ao. Trong khi đó nhận định được tình hình cũng như để ổn định sản xuất nên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc công ty tiến hành đầu tư mạnh vào việc nuôi liên kết với nông dân từ cuối năm 2013 và đến nay về cơ bản IDI chúng ta tự chủ động được khoảng 80% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy với giá cá bình quân khoảng 21,000 đồng/kg. Việc thiếu hụt cá nguyên liệu sẽ đẩy giá cá nguyên liệu lên và điều không thể khác là các doanh nghiệp sẽ điều chỉnh giá xuất khẩu tăng theo, IDI cũng không ngoại lệ trong khi giá thành của chúng ta tốt thì năm 2015 này chắc chắn biên lợi nhuận của chúng ta sẽ tiếp tục được cải thiện.

* Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2014 so với kế hoạch như sau:

- Dự án Khu Trung tâm Thương mại huyện Lập Vò: thực hiện việc tái cấu trúc ngành nghề giữa các Công ty trong Tập đoàn Sao Mai thì IDI đã chuyển nhượng toàn bộ dự án cho Công ty Sao Mai và chỉ tập trung vào chuỗi sản xuất thủy sản khép kín.

- Dự án Nhà máy Tinh luyện dầu cá: Đã hoàn thành và đào tạo được cán bộ của Công ty làm chủ công nghệ mới. Chúng ta cũng đã nghiệm thu nhà máy với đối tác Desmet, nhà thầu lắp đặt với tổng chi phí đầu tư của dự án lên đến gần 400 tỷ đồng trong giai đoạn I. Về cơ bản nhà máy đã hoàn thành hoàn toàn tự động, sản phẩm sản xuất ra hoàn hảo và đã bán trong hệ thống siêu thị Việt Nam trong tháng 12 năm 2014. Trong năm 2015 sản phẩm này sẽ được phân phối với độ phủ kín trên cả nước Việt Nam và sớm chiếm lĩnh thị trường Thế giới.



Nhà máy tinh luyện dầu IDI với công nghệ thiết bị được nhập hoàn toàn từ Châu Âu

* Kế hoạch cũng như định hướng đầu tư sắp tới như sau: Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản cụ thể như sau:

- Trong năm 2015 sẽ khởi công nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào sản xuất trong năm 2015 với tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng. Khi nhà máy hoàn thành thì Công ty chúng ta sẽ không phải mua mỗi năm gần 1,200 tỷ đồng tiền thức ăn cho cá và con số này được nâng lên hàng năm. Từ đó sẽ làm cơ sở để kiểm soát giá thành trong việc nuôi cá ở mức thấp nhất và nâng giá trị gia tăng cho quy trình khép kín của chúng ta.

- Song song với việc đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thì chúng ta cũng phải nhanh chóng tiến hành đầu tư nhà máy bao bì. Dự kiến với quỹ đất sẵn có, chúng ta sẽ đầu tư trong giai đoạn cuối năm 2015. Khi nhà máy bao bì hoàn thành thì chúng ta cũng không phải đi mua mỗi năm gần một ngàn tỷ đồng bao bì cho việc chế biến cá tra fillet xuất khẩu và việc chế biến dầu ăn, bao bì cho thức ăn thủy sản, bột cá... Và con số trên cũng sẽ lớn dần sau mỗi năm theo sự phát triển của Công ty.

- Xây dựng trung tâm giống chất lượng cao và hiện đại, với đội ngũ chuyên gia nghiên cứu có thể ứng dụng công nghệ sinh học phát triển những gen tốt để cho ra cá tra giống tốt. Mục tiêu cụ thể là sản phẩm cá tra giống sẽ cho chất lượng thịt tốt hơn, tỷ lệ thịt cao hơn và thời gian nuôi ngắn hơn, sức đề kháng tốt hơn... để cung cấp giống cho vùng nuôi cá của công ty góp phần hạ giá thành trong việc nuôi cá và đây sẽ là chìa khóa mới cho Công ty để bước vào giai đoạn phát triển mới.

- Trong 5 năm sau chúng ta phải có vùng nuôi tập trung khoảng 150 hecta đáp ứng đủ các yêu cầu khắc khe về nuôi cá và đạt tiêu chuẩn của các nước như Châu Âu, Mỹ....Việc Công ty có thể phát triển tốt và bền vững hay không thì yếu tố này cũng không thể thiếu khi bước vào giai đoạn mới.

- Mua bán, chế biến và xuất khẩu gạo: Trong tương lai gần thì diện tích trồng lúa cũng như lương thực trên toàn Thế giới sẽ bị giảm đáng kể, trong khi dân số ngày một phát triển rất nhanh. Chính vì thế ngành trồng lúa, sản xuất chế biến và xuất khẩu lúa gạo là một ngành đầy tiềm năng mặc dù hiện tại có muôn vàn khó khăn đối với ngành này. Tuy nhiên khó khăn sẽ được giải quyết trong giai đoạn 2015-2016 và ngành này sẽ thuận lợi với nhiều hỗ trợ của nhà nước. Vì vậy dự kiến giữa năm 2016 chúng ta sẽ khởi công dự án này, với nhà máy chế biến thức ăn được xây dựng thì nguồn phụ phẩm là cám gạo được trộn theo tỷ lệ thích hợp trong thành phần thức ăn thủy sản, riêng trấu tươi sẽ được tận dụng đốt lò hơi tại nhà máy bột cá, nhà máy tinh luyện dầu và nhà máy thức ăn thủy sản nhằm giảm giá thành trong chuỗi sản xuất. Chính vì thế việc xây dựng nhà máy chế biến và xuất khẩu gạo một mặt góp phần thúc đẩy ngành nông nghiệp mặt khác cũng tạo một lợi thế nhất định so với các công ty trong ngành.

- Dự án ép trấu thành viên pallets xuất khẩu: Với nguồn phụ phẩm của nhà máy chế biến gạo xuất khẩu thì vỏ trấu là một nguồn năng lượng rất tốt và rẻ so với các nguồn năng lượng khác. Chính vì vậy mà chúng ta cũng cần phải đầu tư dự án này để xuất khẩu viên trấu pallets ra thế giới nâng cao giá trị ngành sản xuất lúa gạo từ đó sẽ giảm giá thành cho chuỗi sản xuất góp phần nâng tỷ lệ lãi gộp của Công ty.

II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Vốn điều lệ Công ty tăng từ 380 tỷ đồng lên 456 tỷ đồng do thực hiện việc chia cổ tức năm 2011, năm 2012 với tỷ lệ 20% bằng cổ phiếu theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD/2014 ngày 09/05/2014. Công ty cũng tăng vốn thành công từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 theo Nghị quyết trên và hoàn tất việc kiểm toán vốn cũng như báo cáo



UBCK Nhà nước và lưu ký niêm yết với toàn bộ số cổ phần phát hành nói trên. Công ty đã thực hiện thay đổi đăng ký với Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp. Hiện tại Cổ phiếu IDI vẫn được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/5/2011.

Trong năm 2014 Công ty có thông qua Đại hội đồng cổ đông về việc từ nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Ông Nguyễn Văn San và Ông Quách Mạnh Hào. Đồng thời cũng thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu thêm 03 vị trí thành viên hội đồng quản trị gồm Ông Phạm Đình Nam, Ông Trần Hải Hà và Bà Nguyễn Thùy Thương.

III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015

* Triển vọng kinh tế vĩ mô thế giới:

Năm 2015 tăng trưởng ở các nước đang phát triển sẽ tăng nhẹ, một phần là do giá dầu giảm, nền kinh tế Mỹ mạnh mẽ hơn, lãi suất toàn cầu tiếp tục ở mức thấp, và ít rào cản tăng trưởng hơn ở một số thị trường lớn thuộc khu vực mới nổi. Sau khi tăng trưởng ước đạt 2,6% năm 2014, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự đạt 3% năm nay. Năm 2014, các nước đang phát triển tăng trưởng trung bình 4,4%, dự báo sẽ tăng 4,8% năm 2015, tăng trưởng mạnh lên 5,3% và 5,4% cho các năm 2016 và 2017.

Ân đàng sau sự phục hồi kinh tế mong manh này là các xu hướng trái chiều ngày càng mạnh ảnh hưởng sâu sắc đến tăng trưởng toàn cầu. Các hoạt động ở Mỹ và Anh đang có đà đi lên khi thị trường lao động đang hồi phục và chính sách tiền tệ đang phù hợp. Nhưng ở Khu vực Châu Âu và Nhật Bản, việc phục hồi kinh tế vẫn chưa tạo được tiếng vang rõ rệt khi tàn dư của cuộc khủng hoảng tài chính vẫn còn dai dẳng. Trong khi đó, Trung Quốc sẽ trải qua cuộc suy giảm tăng trưởng kinh tế có kiểm soát thận trọng, tăng trưởng tuy giảm xuống nhưng vẫn ở mức khá cao là 7,1% trong năm nay. Rủi ro của viễn cảnh kinh tế thế giới vẫn nghiêng về phần bất lợi do sự chi phối của bốn yếu tố sau.

Yếu tố đầu tiên là thương mại toàn cầu đang yếu đi. Yếu tố thứ hai là khả năng biến động thị trường tài chính do lãi suất ở các nền kinh tế chủ đạo tăng ở các mốc thời gian không dự đoán được. Yếu tố thứ ba là mức độ giá dầu thấp gây áp lực đến cân đối tài chính ở các nước sản xuất dầu. Yếu tố thứ tư là nguy cơ suy thoái hoặc giảm phát kéo dài ở Khu vực châu Âu hay Nhật Bản.

Nhờ vào thị trường lao động đang dần phục hồi, ngân sách ít bị thắt chặt hơn, giá cả hàng hóa hợp lý, và chi phí tài chính ở mức thấp, tăng trưởng ở nhóm các nước thu nhập cao theo dự tính tăng nhẹ đến khoảng 2,2% năm nay (từ mức 1,8% năm 2014). Năm 2015, tăng trưởng ở Mỹ theo dự tính tăng lên 3,2% (so với 2,4% năm ngoái), ở khu vực Châu Âu, tình trạng lạm phát thấp đáng lo ngại cho thấy nó tiếp tục kéo dài. Khu vực châu Âu được dự báo là tăng trưởng chậm chạp trong năm 2015 ở mức 1,1% (0,8% năm 2014), trong khi ở Nhật Bản, tăng trưởng sẽ lên đến 1,2% năm 2015 (năm 2014 chỉ đạt mức 0,2%).

Năm 2015, dòng chảy thương mại vẫn không hoạt động hiệu quả. Kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu, thương mại toàn cầu trở nên trì trệ, tăng trưởng năm 2013 và 2014 chỉ đạt dưới 4%, thấp hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng 7% hàng năm của thời kỳ tiền khủng hoảng. Thay đổi trong chuỗi giá trị toàn cầu và sự dịch chuyển của nhu cầu nhập khẩu có lẽ đã góp phần làm giảm độ nhạy của thương mại trước sự tăng trưởng.

Giá cả hàng hóa theo dự đoán tăng không đáng kể trong năm 2015. Giá dầu giảm mạnh bất thường trong 6 tháng cuối năm 2014 có thể đã làm giảm đáng kể áp lực lạm phát và góp phần cải thiện cán cân tài khoản và tài chính hiện tại ở các nước đang phát triển xuất khẩu dầu. Trong số các nước lớn thuộc nhóm thu nhập trung bình hưởng lợi từ giá dầu thấp là Ấn Độ. Năm 2015, tăng trưởng của nước này dự tính lên đến 6,4% các nước như Braxin, Indônêxia, Nam Mỹ và Thổ Nhĩ Kỳ, sự sụt giảm giá dầu giúp giảm lạm phát và thâm hụt tài khoản vãng lai, một nguyên nhân chính của tình trạng dễ bị tổn thương ở nhiều nước trong nhóm thu nhập thấp. Tuy nhiên, duy trì giá dầu thấp sẽ làm suy yếu hoạt động tại các nước xuất khẩu. Ví dụ, tăng trưởng kinh tế Nga được dự báo âm 2,9% năm 2015, và năm 2016 hầu như không tăng trưởng với mức tăng 0,1%.



Ngược lại với nhóm các nước thu nhập trung bình, năm 2014, hoạt động kinh tế ở nhóm các nước thu nhập thấp được đẩy mạnh do tăng đầu tư công, phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhiều thành tựu khả quan, và có dòng vốn đáng kể. Vào giai đoạn 2015-2017, tăng trưởng ở các nước có thu nhập thấp theo dự tính vẫn ở mức cao là 6% trong khi đó việc điều tiết giá dầu và các hàng hóa khác sẽ kìm hãm sự tăng trưởng ở các nước thu nhập thấp xuất khẩu hàng hóa.

Khu vực Đông Á Thái Bình Dương vẫn là khu vực phát triển nhanh nhất thế giới năm 2014 với tỉ lệ tăng trưởng 6,9%, chỉ kém 0,3 điểm phần trăm so với 2013. Tại Trung Quốc các biện pháp chính sách đã làm giảm dần tốc độ tăng trưởng xuống còn 7,4% trong năm 2014 so với 7,7% năm 2013. Đó là các biện pháp kiểm soát những yếu kém tích tụ trong khu vực tài chính bằng cách giảm tăng trưởng tín dụng, các biện pháp hạn chế trong một số ngành hoạt động quá công suất hoặc các ngành gây ô nhiễm môi trường và các biện pháp kích thích tăng trưởng được đưa ra với mục đích hạn chế tác động giảm tăng trưởng.

Tại các nước khác trong khu vực chính sách thắt chặt và bất ổn chính trị tiếp tục ảnh hưởng tới tăng trưởng tín dụng và đầu tư. Ngân hàng trung ương tại Indonesia và Malaysia đã tăng lãi suất chính sách nhằm hạn chế kỳ vọng lạm phát dự tính xảy ra sau khi cắt giảm trợ giá nhiên liệu trong năm 2014. Mông Cổ và Philippines cũng tăng lãi suất chính sách nhằm kiểm soát áp lực giá cả thể hiện hạn chế về năng lực sản xuất. Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam là các trường hợp ngoại lệ, đã giảm lãi suất nhằm hỗ trợ sản xuất trong bối cảnh lạm phát giảm đe dọa gây ra giảm phát. Dự đoán tăng trưởng khu vực sẽ giảm xuống còn 6,7% năm 2015 và duy trì tại mức đó trong kỳ trung hạn do tổng sản lượng trong vùng, trừ Trung Quốc, sẽ ổn định và bù trừ vào phần giảm sút của Trung Quốc. Tại Trung Quốc, cải cách cơ cấu, giảm kích thích tăng trưởng, và thắt chặt tín dụng sẽ làm giảm mức đầu tư và kéo tỉ lệ tăng trưởng xuống. Dự đoán hoạt động sản xuất tại các nước khác trong khu vực sẽ tăng nhẹ do xuất khẩu tăng, do bất ổn chính trị tại Thái Lan giảm, và do đầu tư tăng trở lại, nhất là tại Indonesia và Philippines. Tăng cầu từ các nước thu nhập cao cũng tác động tích cực lên khu vực do mức độ hội nhập cao vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Mức độ mỏng manh của thị trường tài chính, hoặc điều kiện tài chính toàn cầu bị thắt chặt đột ngột có thể làm giảm mạnh hoặc đảo ngược dòng vốn và gây sức ép đáng kể lên một số nước. Điều kiện tài chính bên ngoài bị thắt chặt sẽ dẫn đến tăng lãi suất trong nước. Như vậy lượng thanh toán nợ sẽ tăng và tác động lên bảng cân đối của Ngân hàng, doanh nghiệp, và các hộ gia đình. Nếu nợ xấu tăng lên sẽ làm yếu hệ thống Ngân hàng và buộc người ta đặt câu hỏi về sự ổn định tài chính. Những nước có truyền thống có tỉ lệ trả nợ khu vực tư nhân cao do nợ tích tụ nhanh kể từ khi xảy ra khủng hoảng tài chính toàn cầu, sẽ chịu nhiều rủi ro hơn.

** Triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước:*

Bên cạnh việc các tổ chức đánh giá tín nhiệm nâng mức đánh giá kinh tế Việt Nam gần đây, một số chuyên gia quốc tế cũng đã nêu những nhận xét tích cực về công tác điều hành và những động thái mạnh trong cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam. Các chuyên gia kinh tế dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam những năm tới sẽ dao động từ 6-7% nhờ dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng, giúp thúc đẩy xuất khẩu. Chính phủ Việt Nam đã có bước tiến tích cực và quan trọng trong điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư. Cùng với đó, điểm quan trọng là Nhà nước Việt Nam đang cải cách mạnh mẽ giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao kỹ năng cho nguồn nhân lực hiện nay.

Việc nói lỏng các quy định cho phép các công ty nước ngoài tham gia vào doanh nghiệp trong nước cùng với chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước cũng là một động thái tích cực giúp cải thiện môi trường đầu tư của Việt Nam. Chi phí còn khá thấp hiện nay của Việt Nam đang là động lực đầu tư quan trọng của các công ty phương Tây cũng như các nhà đầu tư từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc. Bên cạnh đó mặc dù cuộc khủng hoảng kéo dài đến năm 2014 vẫn chưa kết thúc, song giới chuyên gia kinh tế đã đánh giá cao nền kinh tế của Việt Nam đã tham gia mạnh vào quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu và giữ được tăng trưởng ổn định trong suốt thời kỳ khủng hoảng.



Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc, Việt Nam với số dân 90 triệu người đang nằm trong danh sách 10 quốc gia phát triển năng động nhất thế giới. Hiện nay, các đối tác thương mại chủ yếu của Việt Nam là Trung Quốc, Mỹ, Đài Loan, Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Liên minh Châu Âu. Nhiều nhà không lồ trong lĩnh vực công nghệ cao đã và đang tích cực đưa sản xuất đến Việt Nam vì giá nhân công cạnh tranh và môi trường chính trị ổn định. Mới đây, Phòng Thương mại Mỹ tại Singapore đánh giá Việt Nam là quốc gia đứng thứ 2 về mức độ hấp dẫn đối với các doanh nghiệp Mỹ. Cơ quan này cho rằng môi trường kinh doanh ở Việt Nam được cải thiện rõ rệt sau từng năm, sau khi Việt Nam tiến hành cải cách các lĩnh vực thuế, pháp luật hải quan, thu hút đầu tư nước ngoài và bảo hiểm. Các chuyên gia đánh giá chính những yếu tố này đã khiến các nhà đầu tư quốc tế chú ý.

Việt Nam không có khủng hoảng tiền tệ khi tỷ giá USD tương đối ổn định và được dự báo tăng khoảng 2% trong năm 2015. Nguy cơ khủng hoảng Ngân hàng không xảy ra khi thanh khoản hệ thống được củng cố khủng hoảng nợ công khó xảy ra khi nợ Chính phủ chưa đáng lo ngại. Chính vì thế mà chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong năm 2015 sẽ được nói lỏng để tiếp tục kích thích tăng trưởng kinh tế đi kèm với đó là việc lãi suất cho vay sẽ tiếp tục theo khuynh hướng giảm.

** Triển vọng ngành cá tra fillet xuất khẩu:*

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, năm 2014 tổng kim ngạch xuất khẩu cá tra đạt 1,8 tỷ USD, tăng 5,8% so với năm 2013. Năm 2015, xét về nhiều yếu tố khách quan cơ quan quản lý đánh giá cao thời cơ mới của mặt hàng cá tra xuất khẩu.

Thứ nhất, nhà nước bỏ thuế VAT đầu ra thức ăn nguyên liệu. Thứ hai, do giá dầu giảm nên giá nguyên liệu chế biến thức ăn dự báo cũng giảm 20 - 30%. Hơn nữa, dù ít dù nhiều thì năm 2015 hàng loạt hiệp định thương mại được ký kết nên "cánh cửa" hội nhập của cá tra có phần rộng mở hơn. Trước cơ hội phát triển mới doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản không chỉ tính đến việc mở rộng thị trường xuất khẩu Châu Âu, còn tính đến việc thâm nhập vào thị trường Châu Á khi hiệp định thương mại hàng hóa có hiệu lực.

Bước vào đầu năm 2015, giá cá tra tăng lên 24.200 – 24.500 đồng/kg, đây chính là dấu hiệu cho thấy sự khởi sắc của lĩnh vực xuất khẩu. Thời cơ mở ra, DN lớn nhỏ không ngừng lên kế hoạch phát triển và mở rộng quy mô sản xuất. Tuy nhiên, niềm vui chưa trọn vẹn thì DN xuất khẩu mặt hàng này bị một phen choáng váng vì Bộ Thương mại Hoa Kỳ tăng mức thuế chống bán phá giá đối với mặt hàng cá tra fillet. Theo đó, giá thuế chống bán phá giá đối với cá tra fillet nhập khẩu đã lên đến mức 0,97USD/kg trong khi giá thành xuất khẩu của mặt hàng này chỉ ở mức 3 USD/kg. Con số này tăng lên gấp hai lần so với kết quả sơ bộ mà Bộ Thương mại Hoa Kỳ đưa ra hồi tháng 7 – 2014 là 0,58USD/kg.

Với mức thuế chống bán phá giá cao như hiện nay lợi nhuận DN xuất khẩu cá tra giảm hẳn. Trường hợp, doanh nghiệp Việt Nam có tăng giá xuất khẩu cá tra cũng không được bởi vì thị trường xuất khẩu cá vào các nước đầu chỉ có riêng doanh nghiệp Việt. Hiện nay, cá tra Việt đang phải cạnh tranh khốc liệt với Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh... Như vậy việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ tăng thuế chống bán phá giá đối với cá tra fillet đồng nghĩa với việc mặt hàng này bị thu hẹp thị trường xuất khẩu tại Hoa Kỳ.

** Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2015 như sau:*

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản, nhà máy bao bì thủy sản nhằm đảm bảo quy trình sản xuất khép kín nhằm giảm giá thành sản phẩm xuất khẩu từ đó tăng sức đề kháng cho sản phẩm của công ty trước các đối thủ cạnh tranh.

+ Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 70-80% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhu cầu nguyên liệu nhà máy.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với xây dựng và phát triển trung tâm giống chất lượng cao.



+ Đưa nhà máy tinh luyện dầu vào vận hành và sẽ hoạt động được 70% công suất thiết kế trong năm 2015. Đồng thời xây dựng thương hiệu dầu ăn của Công ty và sẽ giữ vững vị trí số 1 là nhà sản xuất dầu cá cho hiện tại và tương lai.

+ Mở rộng thị trường xuất khẩu Châu Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước SNG, Ucraina, thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài.

+ Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Nam Mỹ

+ Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất.

+ Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng.

+ Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

+ Tăng vốn điều lệ để nâng tỷ lệ vốn tham gia vào các dự án chuẩn bị triển khai nhằm nâng tỷ lệ an toàn cũng như đảm bảo tình hình an ninh tài chính cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đính kèm báo cáo tài chính)

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	%	Năm 2014	Năm 2013	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,126,795,218,671	1,816,412,718,345	310,382,500,326	17.09%	100.00%	100.00%	0.00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6,834,488,807	11,999,007,025	-5,164,518,218	-43.04%	0.32%	0.66%	-0.34%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320	315,547,018,544	17.49%	99.68%	99.34%	0.34%
4. Giá vốn hàng bán	1,861,845,220,974	1,620,882,463,534	240,962,757,440	14.87%	87.54%	89.24%	-1.69%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258,115,508,890	183,531,247,786	74,584,261,104	40.64%	12.14%	10.10%	2.03%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	19,339,957,802	16,025,956,895	3,314,000,907	20.68%	0.91%	0.88%	0.03%
7. Chi phí tài chính	63,021,717,632	62,235,790,740	785,926,892	1.26%	2.96%	3.43%	-0.46%
Trong đó: Chi phí lãi vay	52,371,597,186	49,440,910,058	2,930,687,128	5.93%	2.46%	2.72%	-0.26%
8. Chi phí bán hàng	81,278,527,972	76,894,649,298	4,383,878,674	5.70%	3.82%	4.23%	-0.41%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,688,146,847	20,138,697,719	11,549,449,128	57.35%	1.49%	1.11%	0.38%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101,467,074,241	40,288,066,924	61,179,007,317	151.85%	4.77%	2.22%	2.55%
11. Thu nhập khác	21,882,801,204	1,297,786,294	20,585,014,910	1586.16%	1.03%	0.07%	0.96%
12. Chi phí khác	22,117,451,861	1,838,753,863	20,278,697,998	1102.85%	1.04%	0.10%	0.94%
13. Lợi nhuận khác	-234,650,657	-540,967,569	306,316,912	-56.62%	-0.01%	-0.03%	0.02%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	101,232,423,584	39,747,099,355	61,485,324,229	154.69%	4.76%	2.19%	2.57%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	10,813,112,319	-949,847,668	11,762,959,987	-	0.51%	-0.05%	0.56%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-401,592,550	401,592,550	-100.00%	0.00%	-0.02%	0.02%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90,419,311,265	41,098,539,573	49,320,771,692	120.01%	4.25%	2.26%	1.99%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2,177	1,082	1,095	101.20%	0.00%	0.00%	0.00%



- **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Qua bảng số liệu đã xử lý trên ta thấy doanh thu năm 2014 tăng 310.382.500.326 đồng với tỷ lệ tăng là 17,09% so với năm 2013. Với tốc độ tăng khá nhanh của doanh thu cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng cũng như mở rộng thị trường là hợp lý, điều này cho thấy một nỗ lực đáng khen ở bộ phận kinh doanh của Công ty, đã không ngừng tìm kiếm và nâng số khách hàng của Công ty lên hàng ngày, với đơn đặt hàng cũng tăng hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm trước. Có được kết quả trên cũng nhờ sự chỉ đạo sâu sắc của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành đã cố gắng áp dụng nhiều chính sách linh hoạt trong việc bán hàng. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành nhưng với tốc độ phát triển gần 20% sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng cho một tốc độ tăng trưởng vượt bậc khi kinh tế được phục hồi.

- **Các khoản giảm trừ doanh thu:** Trong năm 2014 tổng lượng hàng bán trả lại của Công ty là 6,8 tỷ trong khi năm 2013 là 11,9 tỷ đồng giảm 5,2 tỷ tương ứng giảm 43,04% so với năm 2013 (các khoản giảm trừ doanh thu do khách hàng mua một số lô nền của Công ty trả chậm nhưng không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán cho Công ty nên Công ty chủ động thu hồi lại). Cho thấy hệ thống quản lý chất lượng của IDI rất cao và đạt được tất cả các tiêu chuẩn khắc khe nhất như thị trường Châu Âu, Châu Á, Nam Mỹ.... Chính vì thế mà Ban giám đốc hoàn toàn tin tưởng vào hệ thống giám sát chất lượng sản xuất của IDI chúng ta, luôn đảm bảo hàng đạt chất lượng mới được xuất đi và trong năm qua hoàn toàn không có hàng bị trả lại do không đúng chất lượng.

- **Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp:** ta thấy tốc độ tăng của giá vốn 14,78% chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu 17,09% khá nhiều. Nguyên nhân là do trong năm 2014 lượng bán tăng nhiều trong khi giá bán của chúng ta cũng chỉ bằng mức giá bình quân của năm 2013 nhưng do kiểm soát được giá nguyên liệu đầu vào thông qua hình thức nuôi liên kết và tự nuôi với giá thành thấp (ở mức 21.000 đồng/kg). Chính vì thế làm cho tốc độ tăng của giá vốn hàng bán chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu. Trong khi các doanh nghiệp cùng ngành phải thu mua nguyên liệu với giá bình quân trong năm 2014 là 23.000-23.500 đồng/kg. Cuộc chạy đua như thế thì phải đòi hỏi các công ty có được hệ thống quản trị tốt, sức khỏe tốt mới có thể tồn tại, vượt qua khó khăn. Kết quả cuối cùng là một kết quả cũng không mấy ai mong đợi đó là hàng loạt doanh nghiệp thủy sản lớn phải phá sản như trong năm 2013 đã từng xảy ra. Nhìn chung năm 2014 có nhiều cục diện thay đổi so với năm 2013, tức năm 2013 tốc độ tăng trưởng doanh thu lại chậm hơn tốc độ tăng trưởng của giá vốn hàng bán. Vì thế cơ cấu giá thành chiếm 89,24% trong danh thu trong năm 2013 và chỉ có 87,54 trong doanh thu năm 2014. Đây là một tín hiệu tích cực của Công ty trước nền kinh tế đầy biến động và đặc biệt là ngành sản xuất cá tra cá còn rất nhiều khó khăn. Cho thấy việc ổn định và cải thiện môi trường kinh doanh của Công ty là rất tốt làm cơ sở để nâng tỷ lệ lãi gộp của Công ty và làm điểm nhấn cho sự phát triển trong tương lai.

- **Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính tăng 3,3 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ gần 21% so với năm 2013... Kết quả này chủ yếu là do trong năm tỷ giá được điều chỉnh tăng 1% tuy không nhiều cũng đã đóng góp một phần cho hoạt động tài chính của chúng ta. Bên cạnh đó với việc đầu tư ngắn hạn vào mã chứng khoán ASM cũng đóng góp không nhỏ (gần 8 tỷ đồng) trong tổng doanh thu hoạt động tài chính năm 2014 là 19 tỷ đồng.

- **Chi phí tài chính:** Nguồn vốn của Công ty được mở rộng nhưng phần lớn là nguồn vốn vay Ngân hàng và những khoản tín dụng khác và phần còn lại là lợi nhuận giữ lại. Quan hệ tín dụng của chúng ta vẫn tăng so với năm 2013 tuy nhiên chi phí tài chính tăng không đáng kể chỉ có 785 triệu đồng tương ứng 1,25% so với năm 2013. Nguyên nhân là lãi vay năm 2014 tiếp tục hạ so với 2013 và đặc biệt là lĩnh vực xuất khẩu có ưu thế hơn khi lãi suất vay USD tương đối thấp trong khi tỷ giá USD tăng không đáng kể. Và cụ thể là chi phí tài chính năm 2014 chỉ chiếm 2,96% trên tổng doanh thu trong khi năm 2013 thì chiếm tới 3,43% trong tổng doanh. Đây được xem là một trong những việc điều hành linh hoạt, hiệu quả và tiết kiệm được chi phí trong khi giá bán không tăng. Trước một tỷ lệ lãi gộp tương đối thấp, tuy nhiên với chi phí tài chính lại tăng không đáng kể đóng góp không nhỏ vào cải thiện kết quả kinh doanh trong năm 2014.

- **Chi phí bán hàng:** chi phí bán hàng tăng 4,3 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 5,7% so với năm 2013. Với tốc độ tăng của doanh thu 17,09% cho thấy Công ty đang kiểm soát chi phí rất tốt góp phần nâng lợi nhuận của công ty lên. Trước những khó khăn về giá bán như đã nêu trên thì Ban giám



đồng công ty ngoài việc chắc chắn từng cơ hội cũng phải tiết kiệm từng đồng chi phí. Đây cũng thể hiện được việc tiết kiệm chi phí để mang lại hiệu quả và loại bỏ hoàn toàn các chi phí trong việc bán hàng không cần thiết. Kết quả là tỷ trọng của chi phí bán hàng trong năm giảm từ 4,23% trên doanh thu năm 2013 giảm còn 3,82% trong năm 2014. Trước một doanh thu tăng vọt nhưng chi phí bán hàng tăng không đáng kể về số lượng nhưng giảm về chất lượng cho thấy một năm mà Ban.TGD tiếp tục kiểm soát chi phí tốt. Đó là một nỗ lực của bộ phận kinh doanh đã thực hiện được triệt để những chỉ đạo sâu sắc của Ban giám đốc góp phần không nhỏ trong việc cải thiện kết quả kinh doanh trong năm 2014.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng từ 20 tỷ đồng năm 2013 lên 31 tỷ đồng năm 2014 tương ứng 11 tỷ đồng. Điều này cũng làm cho kết cấu chi phí này trên tổng doanh thu năm 2014 tăng so với năm 2013 (cụ thể năm 2014 chiếm 1,49%/doanh thu còn năm 2013 chỉ chiếm 1,11%/doanh thu). Nhìn vào kết quả cho thấy Công ty chưa kiểm soát chặt chẽ chi phí này so với năm 2013 tuy nhiên trong năm 2014 Công ty đã mở rộng thị trường, phát triển vùng nuôi rộng lớn và đặc biệt là dự án Nhà máy tinh luyện dầu đã chính thức đi vào hoạt động, phân phối sản phẩm ra thị trường nên khoản mục chi phí này mặc dù tăng nhưng Ban điều hành cũng rất mong Quý cổ đông đồng thuận và chia sẻ với Ban điều hành. Chi phí này tuy cao nhưng Ban điều hành đã nhận được sự đồng thuận của tất cả các phòng ban vì đã thực hiện tốt chỉ đạo tiết kiệm chi phí trong giai đoạn khó khăn như năm vừa qua.

- **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh:** Với một tỷ lệ lãi gộp chưa quá cao so với năm 2013 nhưng tất cả các khoản mục chi phí của Công ty đều được kiểm soát tốt, tất cả như một sự cộng hưởng giảm về số lượng, chất lượng nên lợi nhuận từ kết quả kinh doanh của Công ty tăng từ 40 tỷ đồng năm 2013 lên 101 tỷ đồng năm 2014. Về cơ cấu tỷ lệ này trên doanh thu đã cải thiện rất nhiều so với năm 2013 (cụ thể năm 2013 tỷ lệ này là 2,22%/doanh thu và năm 2014 là 4,77%/doanh thu). Kết quả này là một kết quả ngoài sự mong đợi của Ban điều hành, là một sự phối hợp đồng bộ từ các phòng ban trong Công ty trước những khó khăn thách thức to lớn cho năm vừa qua.

- **Chi phí thuế TNDN:** Hiện tại Công ty đang còn ưu đãi thuế suất cũng như ưu đãi theo địa bàn đầu tư chính vì thế mà với lợi nhuận 101 tỷ đồng nhưng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có 10 tỷ đồng. Tuy nhiên xét về vị trí địa lý thì IDI chúng ta rất thuận lợi về giao thông cả đường thủy lẫn đường bộ. Việc Công ty chúng ta còn được ưu đãi thuế là một ưu thế rất lớn và đây cũng là một phần lợi nhuận cho Quý cổ đông công ty mà các công ty khác không có.

Trước những khó khăn trong năm vừa qua đòi hỏi Ban giám đốc phải làm việc vất vả và chỉ đạo, giám sát các phòng ban phối hợp thực hiện nhiều biện pháp để tiết kiệm chi phí. Kết quả đã cho lợi nhuận sau thuế là 90,5 tỷ đồng đã phần nào động viên cho Ban giám đốc chúng tôi tiếp tục phát huy hơn nữa trong năm 2015 mặt dù chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 đề ra.

1.2 Tình hình tài chính.

1.2.1 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng thanh toán.

❖ Chỉ số vốn hoạt động:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	1,159,975,923,761	1,063,980,356,682
Nợ Ngắn Hạn	1,216,236,504,753	1,200,868,943,197
Vốn Hoạt Động	-56,260,580,992	-136,888,586,515

❖ Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	1,159,975,923,761	1,063,980,356,682
Nợ Ngắn Hạn	1,216,236,504,753	1,200,868,943,197
Tỷ số thanh toán nợ ngắn hạn	0.95	0.89

❖ Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tài Sản Lưu Động	1,159,975,923,761	1,063,980,356,682
Hàng Tồn Kho	522,603,592,270	222,400,600,692
Nợ Ngắn Hạn	1,216,236,504,753	1,200,868,943,197
Tỷ số thanh toán nhanh	0.52	0.70

1.2.2 Các chỉ số tài chính thể hiện mức hoạt động.

❖ Số vòng quay hàng tồn kho:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Giá Vốn hàng bán	1,861,845,220,974	1,620,882,463,534
Hàng Tồn Kho	522,603,592,270	222,400,600,692
Số Vòng quay hàng TK	3.56	7.29

❖ Số vòng quay tài sản cố định:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320
Giá trị còn lại của TSCĐ	646,816,340,476	643,901,938,622
Số vòng quay TSCĐ	3.28	2.8

❖ Số vòng quay tài sản lưu động:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320
Tài sản lưu động	1,159,975,923,761	1,063,980,356,682
Số vòng quay TSCĐ	1.83	1.7

❖ Số vòng quay tổng tài sản:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320
Tổng tài sản	1,950,652,343,007	1,845,614,030,822
Số vòng quay TTS	1.09	0.98

1.2.3 Các chỉ số tài chính thể hiện hệ số nợ.

❖ Hệ số nợ trên tổng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tổng Số Nợ	1,322,758,977,072	1,268,106,594,832
Tổng tài sản	1,950,652,343,007	1,845,614,030,822
Tỷ số nợ trên tổng tài sản	0.68	0.69

❖ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tổng Số Nợ	1,322,758,977,072	1,268,106,594,832
Nguồn vốn chủ sở hữu	627,893,365,935	577,507,435,990
Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu	2.11	2.2

❖ Hệ số đòn bẩy nợ:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Tổng tài sản	1,950,652,343,007	1,845,614,030,822
Nguồn vốn chủ sở hữu	627,893,365,935	577,507,435,990
Thừa số đòn bẩy nợ	3.11	3.2



1.2.4 Các chỉ số tài chính thể hiện khả năng sinh lãi.

❖ Tỷ lệ lãi gộp:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Lãi gộp	258,115,508,890	183,531,247,786
Doanh thu thuần	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320
Tỷ lệ lãi gộp (%)	12	10

❖ Tỷ lệ lãi hoạt động:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Lãi từ hoạt động kinh doanh	101,467,074,241	40,288,066,924
Doanh thu thuần	2,119,960,729,864	1,804,413,711,320
Tỷ lệ lãi hoạt động (%)	5 %	2%

❖ Tỷ lệ lãi trên tổng tài sản:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Lãi ròng	90,419,311,265	41,098,539,573
Tổng tài sản	1,950,652,343,007	1,845,614,030,822
Tỷ lệ lãi trên tổng tài sản (%)	4.64%	2.23%

❖ Tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Lãi ròng	90,419,311,265	41,098,539,573
Vốn chủ sở hữu	627,893,365,935	577,507,435,990
Tỷ lệ lãi trên vốn chủ sở hữu (%)	14	7

❖ Tỷ lệ lãi trên cổ phiếu:

Chỉ Tiêu	Năm 2014	Năm 2013
Lãi ròng	90,419,311,265	41,098,539,573
Số lượng cổ phiếu lưu hành	85,500,000	38,000,000
Tỷ lệ lãi trên cổ phiếu (đồng)	1,058	1,082

II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ**

- Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... Giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.

- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động trong 24 giờ) trong 03 giai đoạn:

+ G/đ 1: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 4/2008.

+ G/đ 2: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 8/2008.

+ G/đ 3: Công suất TK 300 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 12/2010.

Công suất khai thác hiện tại gần 300 tấn nguyên liệu/12 giờ, mang về doanh thu thuần xuất khẩu và nội địa trên trên 90 triệu USD trong năm 2014.

BRING FLAVOR OF MEKONG RIVER WORLDWIDE

IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
CODE DL 479 - ISO 9001:2000 - HACCP - HALAL - BRC 2005 - IFS

www.idiseafood.com
idiseafood@vnn.vn

PURE SEAFOODS INC.
1370 Center Drive, Suite 206
Atlanta, GA 30338, USA
Phone: 678.803.0187
Email: sales@pureseafoodsgroup.com

0% ATD tariff to USA.
DIPOA Nr. 0001/DL 479 to Brazil





Untrimmed red meat on
SWAI

CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY THỦY SẢN



IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

- Cơ cấu doanh thu trong năm:

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	1,716,006,338,782	95.10%	1,905,139,714,537	89.87%
2	Doanh thu thuần dịch vụ	49,780,336,712	2.76%	22,016,314,163	1.04%
3	Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	4,852,755,676	0.27%	116,298,451,272	5.49%
4	Doanh thu từ dầu cá	33,377,396,362	1.85%	75,249,138,438	3.55%
5	Doanh thu khác	396,883,788	0.02%	1,257,111,454	0.06%
Tổng doanh thu:		1,804,413,711,320	100%	2,119,960,729,864	100.0%

+ Trong cơ cấu doanh thu thuần, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm gần 90% trong năm 2014.

+ Doanh thu thuần lĩnh vực thủy sản năm 2014 tăng 198 tỷ đồng tương đương tăng 11,02% so với năm 2013. Điều đó cho thấy được tiềm năng phát triển rất ổn định và tương đối lớn của con cá tra tại Đồng bằng Sông Cửu Long. Và nó được thể hiện rõ hơn khi cá tra Việt Nam xâm nhập vào thị trường Mỹ, ngành nuôi cá da trơn của Mỹ xem như một thảm họa buộc phải dựng nên các rào cản kỹ thuật để bảo hộ cho ngành cá da trơn trong nước mình.

+ Còn cơ cấu doanh thu thuần về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể. Theo cơ cấu ngành của Công ty và của cả Tập đoàn ASM thì IDI chỉ tập trung cho việc hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản khép kín chứ không còn tập trung vào các mảng khác như hiện nay.

+ Lĩnh vực dầu cá: ta thấy mặc dù việc phân phối sản phẩm dầu ra thị trường không đúng như kế hoạch đề ra (kế hoạch tháng 04/2014) nhưng thực tế đến tận tháng 12/2014 sản phẩm dầu cá của chúng ta mới chính thức vào hệ thống siêu thị khu vực phía nam nhưng đã cho một con số khá ấn tượng tăng trên 100% so với cùng kỳ năm 2013. Đây sẽ là một tín hiệu tích cực cho sản phẩm mới của chúng ta.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2013		NĂM 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	1,529,042,217,119	94.33%	1,683,616,647,588	90.43%
2	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50,251,000,024	3.10%	17,428,912,090	0.94%
3	Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	3,171,018,698	0.20%	86,006,009,539	4.62%



5	Giá vốn từ đầu cá	38,021,344,226	2.35%	73,601,724,034	3.95%
6	Giá vốn khác	396,883,567	0.02%	1,191,927,723	0.06%
Tổng giá vốn hàng bán:		1,620,882,463,634	100%	1,861,845,220,974	100.0%

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 90,43% trong năm 2014 tăng 10,11% tương đương tăng 154 tỷ đồng so với năm 2013. Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn hàng hóa thành phẩm chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu thuần của hàng hóa thành phẩm cho thấy việc kiểm soát chi phí sản xuất tốt góp phần nâng tỷ lệ lãi gộp trong mảng hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Đây sẽ là một tín hiệu đáng mừng cho Công ty làm tiền đề cho việc nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo.

+ Lĩnh vực dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng thì tỷ trọng chi phí vốn tương đối thấp trong năm 2014.

+ Lĩnh vực dầu cá: Chúng ta thấy mặc dù trong năm 2014 chúng ta sản xuất bình quân thấp với chi phí khấu hao của nhà máy tinh luyện dầu tương đối lớn nhưng giá vốn của mảng này chỉ chiếm 73 tỷ trong khi doanh thu là 75 tỷ và đã đóng góp vào lãi gộp chung 2 tỷ đồng. Điều này cho thấy được tính hiệu quả rất lớn và có thể mang về lợi nhuận đột phá trong năm 2015 khi mà nhà máy hoạt động ở công suất cao và sản phẩm dầu đóng chai được phân phối ra cả nước và xuất khẩu.

2.2 Nguyên vật liệu:

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quảng đặng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.

- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mê Kông cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.

- GAFIN dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam đến năm 2020 sẽ đạt 3,6 tỉ USD. Người tiêu dùng lựa chọn cá tra làm thức ăn hàng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như bão hòa.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.

- FAO đánh giá sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế độc quyền con cá tra càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai sáng lạn và một mục tiêu phát triển bền vững.



Công nhân đang chuyển cá từ ghe lên nhà máy tại bến nhập nguyên liệu

- Theo quyết định số 332/QĐ-TTG ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Thì Viện nghiên cứu Thủy sản 2 xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh và cho nhân giống đàn cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi chuyển giao cho các trại giống.

- Đến năm 2015, cung cấp 100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng. 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng.

- Diện tích nuôi cá tra của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cả năm 2014 ước đạt hơn 5.500 ha với sản lượng 1.116 ngàn tấn. Đầu năm 2014, giá cá tra bắt đầu có diễn biến khả quan, tuy nhiên dư âm từ vụ nuôi năm 2013 đã khiến nhiều hộ nuôi hoặc không đủ vốn hoặc trì hoãn quyết

định thả nuôi năm 2014 để đợi những tín hiệu vững chắc hơn từ thị trường. Sau một thời gian giá cá tra tăng ổn định, nhiều hộ nuôi tiếp tục thả nuôi vụ mới, diện tích nuôi tăng mạnh kể từ tháng 10 đến nay và đã dần hồi phục gần bằng cùng kỳ năm ngoái cả về diện tích và sản lượng. Hai tỉnh Đồng Tháp và An Giang có sản lượng cá tra lớn nhất vùng nhưng sản lượng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước, Đồng Tháp (-2%), An Giang (-8%). Chỉ riêng Hậu Giang, diện tích giảm 12% so với cùng kỳ, nguyên nhân là do năm ngoái không được giá nên các hộ dân còn e dè không mạnh dạng đầu tư.

- Tuy nhiên Công ty IDI luôn chủ động lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và bộ phận nuôi trồng của Công ty luôn đảm bảo cung cấp được 70-80% nhu cầu cho nhà máy sản xuất trong năm 2015 với giá thành ổn định và tương đối thấp (bình quân khoản 21.000 đồng/kg).

2.3 Trình độ công nghệ.

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

- Đầu năm 2011 nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

+ Nhà xưởng sản xuất 15.000 m², hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 600 tấn NL/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

+ Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240 m³ nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m³ nước/giờ.

+ Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.

+ Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm được xây dựng khang trang sạch đẹp. Hệ thống sân đường nội bộ được giữ sạch với bóng cây xanh phủ mát tạo không khí trong lành thoải mái.

+ Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500m³, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò. . . .

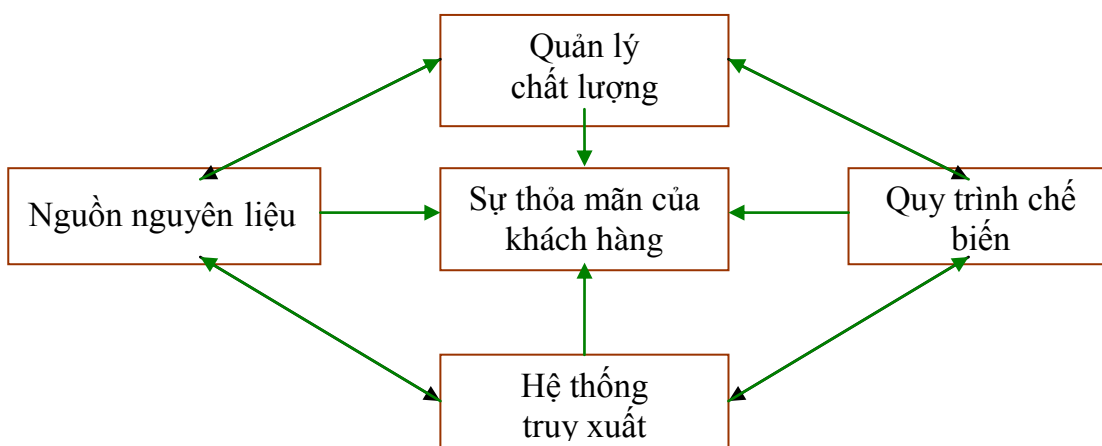
+ Cuối năm 2013 thì Công ty cũng đã hoàn thành dự án nhà máy tinh luyện dầu cá với dây chuyền, máy móc hiện đại được nhập từ Châu Âu và hoàn toàn tự động. Nhà máy hoạt động dựa vào hệ thống điều khiển trung tâm gồm 4 máy vi tính được lập trình và điều chỉnh các thông số cho nhà máy dầu theo yêu cầu. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy được Ban lãnh đạo công ty săn lọc, đào tạo rất chuyên nghiệp. Từ trình độ chuyên môn đến phong cách làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm rất cao và hiện tại hoàn toàn làm chủ công nghệ tinh luyện dầu cá thế giới.



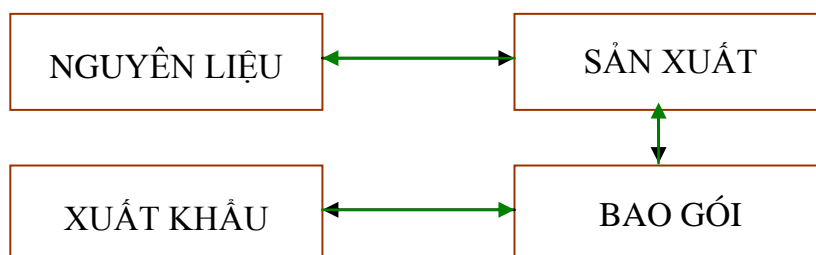
Phòng máy



QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU



QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT



2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của Omega-3, 6, 9 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản ra đời nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.

Bong bóng cá khô
Fish Maw (Dried)
鱼翅干

Bao tử cá đông lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/túi nhựa
Frozen Fish Stomach - Packing: 3 kg/plastic bag
冷冻鱼肚 - 包装规格: 3公斤/塑料袋

Bong bóng cá đông lạnh - Qui cách đóng gói: 3 kg/túi nhựa
Frozen Fish Swimming Bladder - Packing: 03 kg/plastic bag
冷冻鱼泡 - 包装规格: 3公斤/塑料袋

Vây cá tươi
Fresh fish Fins
新鲜鱼鳍

Úc cá tươi
Fresh Fish Belly
新鲜的鱼腩

Bong bóng cá tươi
Fresh Fish Swimming Bladder
新鲜的鱼泡

Kỳ cá tươi
Fresh Dorsal Fin
新鲜鱼背鳍

Bao tử cá tươi
Fresh Fish Stomach
新鲜的鱼肚

Phụ phẩm từ Cá Tra
Pangasius Filletting offal Products
巴沙鱼副产品

AFO
ASIA FISH OIL CORPORATION
Address: 80 national road, An Thanh, Binh Thanh, Lap Vo, Dong Thap, Viet Nam
Phone/fax: +84673 623939
Email: tuvankhachhang@afo.com.vn

亚洲鱼油股份公司
“Take care about your family health” 对老公好吃, 对孩子好处, 对家庭美妙
越南西贡省陈明县干城社安基村大道80号
电话号码/传真: +84673 623939

Raneer
UNIQUE FISH OIL
巴沙鱼油

IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
跨国发展和投资股份公司
Website: www.idiseafood.com
Email: idiseafood@vnn.vn

SHORTENING AND MARGARINE

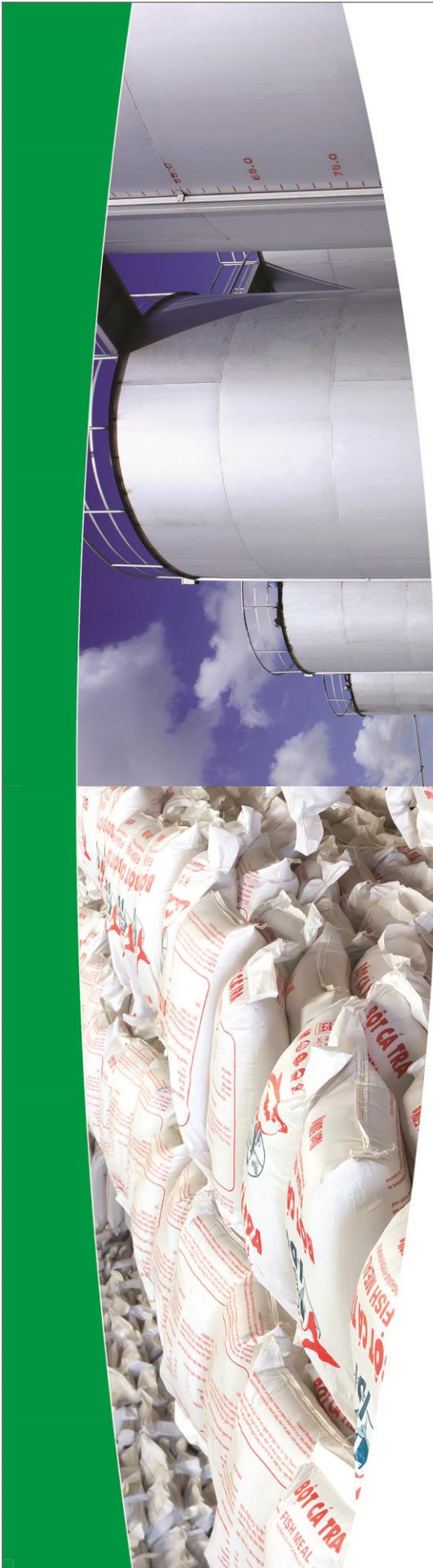
AFO
ASIA FISH OIL CORPORATION
Address: 80 national road, An Thanh, Binh Thanh, Lap Vo, Dong Thap, Vietnam
Phone/fax: +84673 623939
Email: tuvankhachhang@afo.com.vn

Raneer
UNIQUE FISH OIL

IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
PURE SEAFOODS INC.
1200 Center Drive, Suite 204
Alhambra, CA 91803, USA
Phone: 919-803-0187
Email: www@pureseafoodsinc.com

Take care about your family health





Xuất xứ: Việt Nam
 Loại cá: cá Tra
 Qui cách đóng gói: 193kg/thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank
 Số lượng cung ứng: 1000-1200 tấn/tháng

Tiêu chuẩn chất lượng
 Chỉ số Acid (mgKOH/g) 3% max
 Chỉ số Iodine (gI2/100g) 80 max

Tiêu chuẩn Việt Nam
 Original: Vietnam
 Species: Pangasius Fish
 Packing: 193 kg Net weight/Drum or 20 MT net weight/flexitank
 Quantity for sales: 1000-1200MT/month

TCVN Standard
 Acid value (mgKOH/g) 3% max
 Iodine value (gI2/100g) 80 max

产地: 越南
 鱼类: 巴沙鱼
 包装规格: 193kg/桶或20吨/ flexitank
 数量供应: 1000-1200吨/月
 质量标准 越南标准
 酸价 (mgKOH/g) 3% max
 碘价 (gI2/100g) 80 max

Mỡ Cá Fish Oil 巴沙鱼油



产地: 越南
 鱼类: 巴沙鱼
 包装规格: 50kg (净重) /塑料袋
 供应量: 1,000-1,200吨/月

质量标准	越南标准
蛋白质含量 (%)	58 - 62
湿度 (%)	10 max
灰份 (%)	30 max
新鲜度 (mg/100g)	100 max
脂肪含量 (%)	10 max

Original: Vietnam
 Species: Pangasius Fish
 Packing: 50kg Net/polypropylene bag
 Quantity for sales: 1000-1200 MT/month

Specification	TCVN Standard
Crude protein (%)	58 - 62
Moisture (%)	10 max
Ash content (%)	30 max
TVBN (mg/100g)	100 max
Lipid (%)	10 max

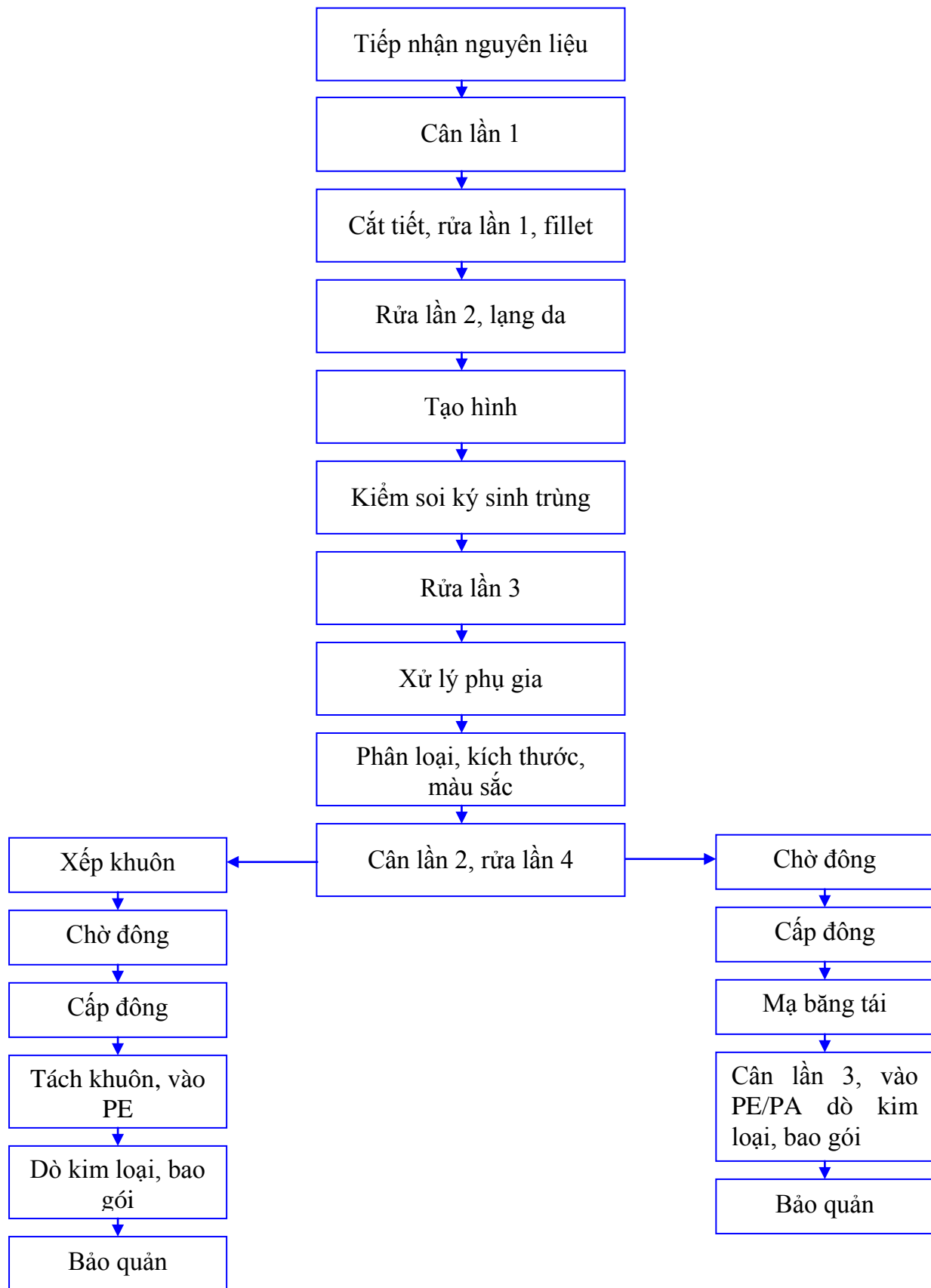
Xuất xứ: Việt Nam
 Loại cá: cá Tra
 Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh) /bao nhựa
 Số lượng cung ứng: 1,000-1200 tấn/tháng

Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn Việt Nam
Độ đạm (%)	58 - 62
Độ ẩm (%)	10 max
Tro (%)	30 max
Độ tươi (mg/100g)	100 max
Chất béo (%)	10 max

Bột cá Fish meal 鱼粉



QUY TRÌNH CHẾ BIẾN CÁ TRA FILLET



2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2008, IFS, HALAL, GLOBAL G.A.P, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

2.6 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.





Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế





IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN DUBAI 2012



2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.
- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, VTV3, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về IDI đến với mọi người.
- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.
- Trong năm 2014 Công ty IDI đã chia sẻ với đồng bào bà con nghèo trong tỉnh Đồng Tháp để đón xuân. Công ty đã tặng 350 phần quà cho bà con nghèo trong huyện Lấp Vò.



Đoàn xe cứu trợ lũ lụt miền trung 2010

2.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:



- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/3/2009.
- Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:
 - o Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá cá tra, cá basa, tôm, mực, nghêu, sò.
 - o Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
 - o Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
 - o Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bop (cobia), cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản.

III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

A) Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2014:

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2014 có nhiều biến động ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả vùng nuôi. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề rất khó cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, ba tháng và sáu tháng. Đồng thời quản lý được tỉ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài. Trong năm nhà máy sản xuất được 58,028,427 tấn cá nguyên liệu với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: Cá nguyên liệu Công ty nuôi chiếm tỉ lệ 28,44% tương ứng với 16.504 tấn, Cá nuôi liên kết chiếm tỷ lệ 49,37% tương ứng với 28.648 tấn và phần còn lại là mua ngoài với tỷ lệ 22,19%



tương ứng với 12.876 tấn. Với cơ cấu đầu vào như thế với giá bình quân trong năm là 22.502 đồng/kg trong khi năm 2013 là 22.602 đồng/kg. Cơ cấu như vậy sẽ đảm bảo cho công ty có giá thành ổn định và tương đối thấp góp phần nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

A1. Tình hình thu mua nguyên liệu:

Giá cá tra nguyên liệu liên tục tăng từ những tháng đầu năm 2014 có lúc tăng lên đến 25.500 đồng/kg sau đó lại giảm chỉ còn ở mức 22.000 đồng/kg và những tháng cuối năm lại tăng giá ở mức 24.500 đồng/kg. Việc giá cá biến động này như vậy sẽ nhiều rủi ro cho người nuôi cá trong khi các điều kiện của người nông dân không dễ để thực hiện nuôi. Các chính sách cho vay nuôi cá bị thắt chặt, người dân thiếu vốn trong khi giá bán không ổn định dẫn đến tình trạng người dân chưa mạnh dạng đầu tư. Và khiến cho các doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn nếu không dự đoán được tình hình nguyên liệu cho thời gian 6, 9 tháng. Tuy nhiên mặc dù mua cá của nông dân nhưng Công ty IDI cũng đã tạo được lòng tin cho những hộ dân từ khâu tư vấn về giá, đến các cam kết mua và việc thanh toán cũng đúng hạn. Chính vì thế với lượng cá phải mua cho nhu cầu của nhà máy hoàn toàn IDI có thể chủ động và có thể chốt giá với người nuôi tốt nhất.

A3. Tình hình đầu tư liên kết:

Năm 2014, sản lượng cá đầu tư liên kết là 28.982 tấn cá với giá thành bình quân từ 21.000 đồng/kg đến 21.500 đồng/kg. Hình thức này sẽ giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không thể dự báo giá cá được trong tương lai yên tâm nuôi cá. Các hộ nông dân lựa chọn theo hình thức này rất an toàn và nhận khoán chi phí với giá từ 4.300 đồng - 4.700 đồng/kg tùy từng thời điểm. Với hình thức này có lợi thế tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ nuôi, Công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu tư dài hạn cho ao nuôi giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.

A4. Tình hình vùng nuôi công ty:

Công ty có hai vùng nuôi là Tân Hòa Lai Vung và khu Cồn Quạ Định Yên. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được công khai. Hệ số thức ăn của các hầm đều dưới 1.55 kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 380 đến 405 đồng/kg cá nguyên liệu đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì hai vùng nuôi này cũng đã hình thành được qui trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá. Do đó, chỉ tiêu nuôi trồng đến năm 2015 sẽ được mở rộng và dự kiến tăng thêm khoảng 35 hecta.



VÙNG NUÔI TẠI AN THẠNH TRUNG

A5. Tình hình quản lý chất lượng:

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, Công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sau:

* Vùng nuôi Tân Hòa: Đã thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, với kinh phí 600 triệu đồng, UBND tỉnh Đồng Tháp đã hỗ trợ 65 triệu đồng, WWS hỗ trợ 40%, phần còn lại Proconco hỗ trợ.

A6. Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2014:

Trong năm 2014 Công ty đã mua tổng cộng với 54.874.270 tấn thức ăn để cung cấp cho vùng nuôi của Công ty và vùng nuôi liên kết trong khi năm 2013 chỉ với 44.808 tấn thức ăn. Trong đó Công ty mua của Proconco là 26.007.000 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 47,36%, Công ty thức ăn Việt Thắng là 12.123.000 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 22,09% và phần còn lại chủ yếu là của Công ty thức ăn Vina. Trong năm 2014 giá thức ăn tương đối ổn định và các công ty cũng áp dụng nhiều chính sách để hỗ trợ cho IDI tuy nhiên trong năm 2015 này chúng ta sẽ đầu tư nhà máy và tự sản xuất để cung cấp cho vùng nuôi của Công ty cũng như vùng nuôi liên kết và kể cả việc bán cho các đại lý và hộ nông dân.

B. Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh IDI năm 2014:

- Sản lượng và định mức năm 2014 so với năm 2013:

Năm	2014	2013	Tăng	Tỷ lệ tăng
Sản lượng nguyên liệu (kg)	52,834,455	48,484,363	4,350,092	9 %
Thành phẩm (kg)	28,141,753	25,165,611	2,976,142	11.8 %
Công suất lúc cuối năm (kg/ngày)	210,000	200,000	10,000	5.0 %
Định mức	2.02	2.020	0	0.0 %

Sản lượng nguyên liệu tăng thêm so với năm 2013 là 9 %, sản lượng thành phẩm tăng thêm 11 %, định mức tổng đối với cá quay phụ gia bình thường vẫn giữ ổn định.

- Công suất nhà máy hiện tại:

- + Size từ 1000 gr/con trở lên: 225 tấn/ngày.
- + Size từ 850 đến nhỏ hơn 1000 gr/con: 220 tấn/ngày.
- + Size từ 800 đến nhỏ hơn 850 gr/con: 210 tấn/ngày.
- + Size từ 750 đến nhỏ hơn 800 gr/con: 185 tấn/ngày.
- + Size từ 700 đến nhỏ hơn 750 gr/con: 170 tấn/ngày.
- + Size từ 650 đến nhỏ hơn 700 gr/con: 160 tấn/ngày.
- + Size nhỏ hơn 650 gr/con: 145 tấn/ngày.

Tuy nhiên, ngoài phụ thuộc vào size cá, công suất nhà máy còn phụ thuộc vào quy cách hàng hóa sản xuất (làm cá đỏ hoặc cá nguyên càng nhiều thì công suất nhà máy sẽ cao hơn).



Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia

C. Tình hình kinh doanh năm 2014.

C.1 Khối lượng và doanh thu xuất khẩu.

Tháng	Trọng lượng tịnh	Trọng lượng có băng	Trị giá(USD)
1	2.806	3.276	7.164.351
2	2.919	3.578	7.193.370
3	2.721	3.304	6.835.471
4	2.416	3.097	6.354.533
5	2.243	2.832	5.983.901
6	1.812	2.359	4.881.803
7	1.987	2.496	4.753.549
8	2.301	2.935	5.387.769
9	2.698	3.452	6.735.306
10	2.967	3.631	7.228.966
11	2.573	3.269	6.459.048
12	2.79	3.563	7.136.329
Tổng	30.233	37.792	76.114.397

C.2 Tỷ lệ các sản phẩm bán ra:

Sản phẩm	Khối lượng net (tấn)	Khối lượng gross (tấn)
Fillet tạo hình sạch	22.901,00	29.897,32
Cá nguyên con	4.063,23	4.555,00
Cá còn thịt đỏ	1.699,04	2.084,65
Cá loại 2	549,91	560,97
Cá cắt khúc, cắt miếng	622,37	694,86
Dè cá	317,08	320,50
Các loại khác	80,84	85,85
Tổng cộng	30.233,46	37.927,79%

C.3 Thị trường & khách hàng mới:

Trong năm 2014, công ty đã xuất khẩu đến 140 khách hàng tại 5 Châu lục.

- Thị trường các quốc gia mà IDI xuất khẩu:

STT	Quốc gia	Doanh số USD
1	Trung Quốc	18.960.328
2	Mexico	16.351.994
3	Colombia	14.073.355
4	Mỹ	6.353.472
5	Brazil	3.876.637
6	Ả rập Saudi	3.315.240
7	HongKong	2.698.284
8	An giê ri	2.549.580
9	Singapore	1.174.781
10	Malaysia	1.172.130
11	Philippines	699.531
12	Canada	569.669
13	Chi Lê	563.045
14	Hà Lan	385.011
15	Peru	325.435
16	Tiêu vương quốc Ả rập	320.600
17	Tây ban Nha	309.900
18	Costa Rica	304.128
19	New Zealand	263.120
20	Đài Loan	256.792
21	Thổ Nhĩ Kỳ	254.958
22	CH Dominica	210.307
23	Oman	183.230
24	Ai cập	156.840
25	Bun ga ri	108.000
26	Anh	100.905
27	Thái Lan	94.815
28	Nam Phi	90.380

29	Pháp	69.724
30	Croatia	55.500
31	Đức	53.250
32	Quatar	51.500
33	Bồ Đào Nha	50.160
34	Ma Rốc	47.610
35	Syria	42.579
36	Brunei	21.500
Tổng cộng		76.114.397



Xe lạnh đang nhận hàng tại kho lạnh của nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia

*** Thị trường EU:**

Tình hình kinh tế một số quốc gia khối EU đang phục hồi dần như Tây Ban Nha, Ý, Hy Lạp sẽ là những tín hiệu khả quan và cá tra sẽ được hồi phục tại khu vực thị trường này vì đây là nguồn cung cấp protein thủy sản chất lượng cao, ổn định và giá thành phù hợp.

*** Mỹ:**

Sản phẩm cá tra được người tiêu dùng Mỹ bình chọn là một trong 10 sản phẩm thủy sản được ưa chuộng nhất tại Mỹ kể từ năm 2009.

Nhu cầu thị trường đối với sản phẩm cá tra tại thị trường này còn rất nhiều vì sản lượng nuôi trồng và chế biến cá catfish nội địa tụt giảm vì chi phí nuôi và chế biến tăng cao, giá cá rô phi, cá tuyết tăng cao, đặc biệt là cá rô phi xuất xứ từ Trung Quốc có chất lượng không tốt, nguồn cung cấp hàng không ổn định. Tuy nhiên hiện tại IDI xuất gián tiếp vào thị trường này

*** Trung Quốc và Hồng Kông:**

Đây là thị trường tiềm năng mà các công ty xuất khẩu thủy hải sản đang hướng đến. Với dân số trên 1.3 tỷ và sức tiêu thụ mạnh, chắc chắn Trung Quốc là một trong số thị trường lớn tiềm năng trong tương lai gần. Tổng doanh số xuất khẩu cá tra Việt Nam vào thị trường này 11 tháng 2014 là 99 triệu USD tăng 19,4% so cùng kỳ năm 2013.

Mặc dù Trung Quốc là một trong số nước xuất khẩu thủy sản lớn trên thế giới nhưng nhu cầu nhập thủy sản cao, đặc biệt là sản phẩm cá tra, nguồn cung cấp protein giá thấp, thích hợp cho tất cả mọi tầng lớp người dân. Đây là thị trường đầy hứa hẹn cho sản phẩm thủy sản Việt Nam nói chung và cá tra nói riêng.





IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN TẠI TRUNG QUỐC



C.4 Thị phần theo châu lục:

Châu lục	Doanh số (USD)	Tỉ trọng (%)
CHÂU MỸ	41.033.461	53,91%
CHÂU Á	30.586.001	40,18%
CHÂU PHI	2.844.410	3,74%
CHÂU ÂU	1.387.407	1,82%
CHÂU ÚC	263.120	0.35%
Tổng cộng:	76.114.398	100.00%

4.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

➤ Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.

- Tập trung vào những thị trường mới tiềm năng như: Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nam Mỹ, Bắc Phi, Nam Phi...

- Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của công ty đạt mức 100.000.000 USD và đạt lợi nhuận sau thuế là khoảng 120 tỷ đồng.

- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.

- Nâng thứ hạng của Công ty IDI lên top 4 nhà máy chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.

- Ngoài ra trong năm 2015 Công ty sẽ bắt đầu xuất khẩu cá rô phi, cá điêu hồng Fillet.

- Ngay từ những tháng cuối năm 2013, công ty đã định hướng chuyển đổi cơ cấu thị trường nhằm hạn chế rủi ro.

- Đến cuối 2014, công ty có 260 khách hàng tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc năm Châu lục.

- Đối với những thị trường hiện có, Công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách qua việc chăm sóc khách hàng, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài.

- Mặt khác, Công ty cũng sẽ quan tâm nhiều đến các khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6 đến 12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.

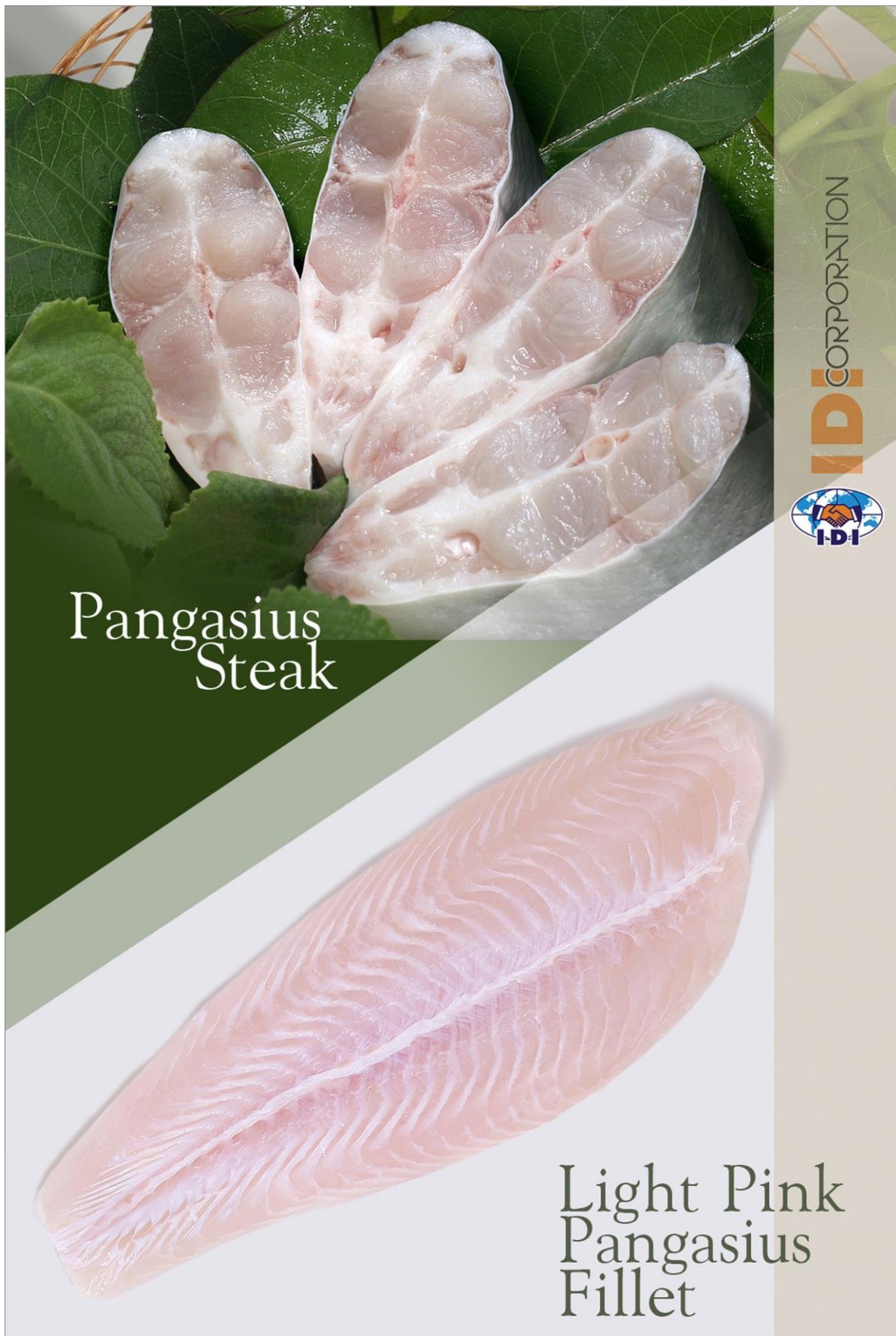
C.5.1 Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2015.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cát khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	761	1,395	126	508	169	169	3,382
2	444	815	74	296	99	99	1,975
3	634	1,163	106	423	141	141	2,819
4	698	1,280	117	465	155	155	3,103
5	529	1,269	106	423	141	141	2,820
6	634	1,523	126	508	169	169	3,383
7	634	1,523	126	508	169	169	3,383
8	634	1,523	126	508	169	169	3,383
9	634	1,523	126	508	169	169	3,383
10	687	1,649	137	550	183	183	3,664

11	687	1,649	137	550	183	183	3,664
12	825	1,512	137	550	183	183	3,665
Tổng	7,801	16,824	1,444	5,797	1,930	1,930	38,624

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá, và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.
- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.
- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.
- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.
- Đối với thị trường cao cấp, Công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận Global GAP, BAP, ASC, sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông CO₂, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới) và sản phẩm đông block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion v.v....
- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, BAP, BRC, ... Công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn của Mỹ như Walmart, Cisco, US food service, v.v....
- Đối với thị trường bình dân, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet còn thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v... nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.





Các sản phẩm của nhà máy thủy sản IDI



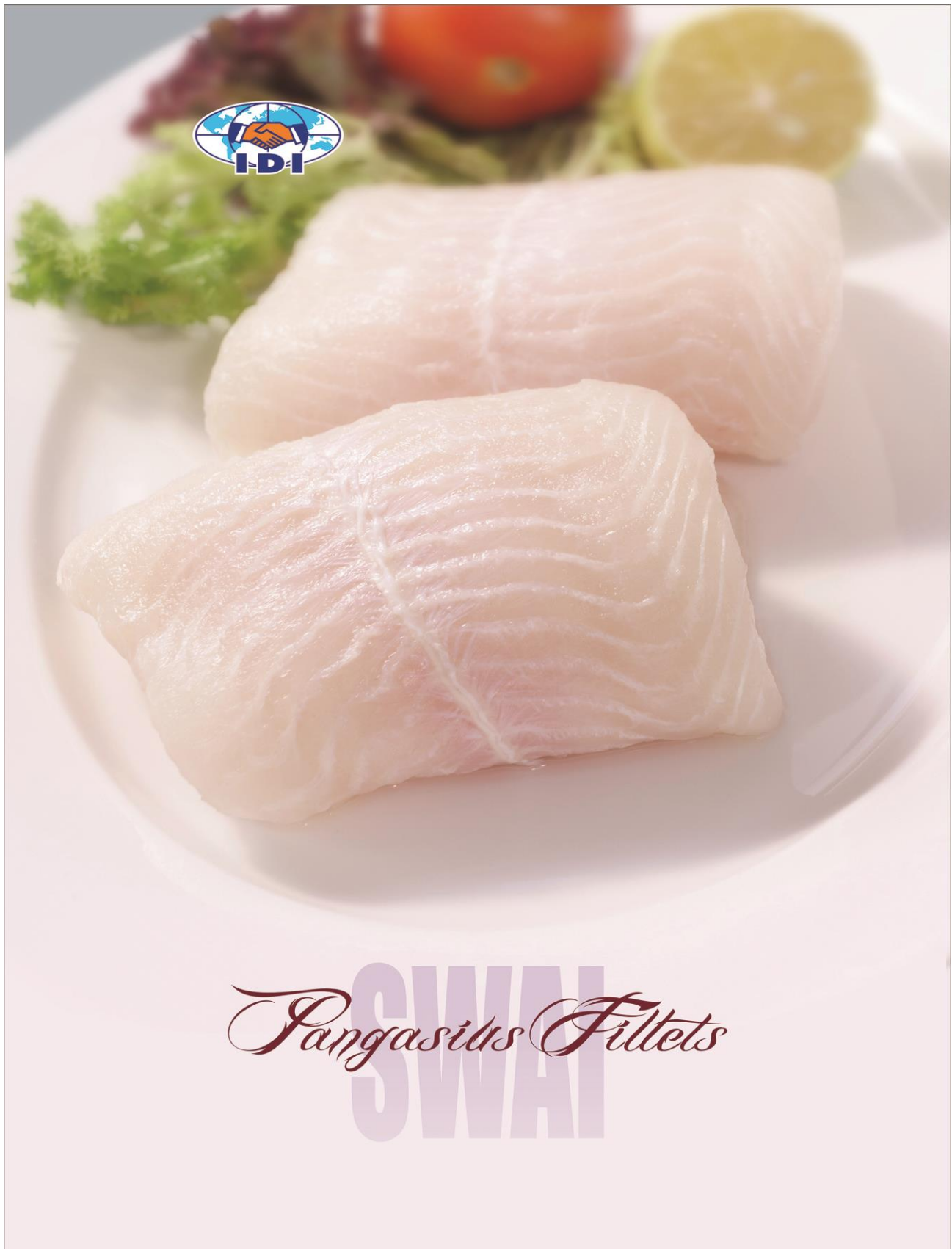


C.5.2 Doanh thu kế hoạch năm 2015.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	2,173,989	3,977,738	355,923	1,080,464	377,940	372,486	9,061,449
2	1,268,398	2,323,912	209,034	629,561	221,397	218,202	5,291,726
3	1,811,181	3,316,208	299,428	899,677	315,322	310,772	7,553,115
4	1,994,013	3,649,824	330,500	989,007	346,631	341,629	8,314,745
5	1,511,222	3,618,459	299,428	899,677	315,322	310,772	7,555,407
6	1,811,181	4,342,721	355,923	1,080,464	377,940	372,486	9,063,624
7	1,811,181	4,342,721	355,923	1,080,464	377,940	372,486	9,063,624
8	1,811,181	4,342,721	355,923	1,080,464	377,940	372,486	9,063,624
9	1,811,181	4,342,721	355,923	1,080,464	377,940	372,486	9,063,624
10	1,962,589	4,702,000	386,996	1,169,793	409,248	403,343	9,816,646
11	1,962,589	4,702,000	386,996	1,169,793	409,248	403,343	9,816,646
12	2,356,821	4,311,355	386,996	1,169,793	409,248	403,343	9,820,233
Tổng	22,285,526	47,972,380	4,078,993	12,329,621	4,316,116	4,253,834	103,484,463

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là “giá tốt, chất lượng tốt và dịch vụ tốt”.

- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ Thủy sản quốc tế và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyến khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Colombia, Peru, khu vực Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, An Giê Ri, v.v...



SẢN PHẨM TỪ CÁ TRA XUẤT KHẨU

C.5.3 Kế hoạch sản xuất.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cát khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	764	1,401	127	510	170	170	3,397
2	446	818	74	297	99	99	1,982
3	637	1,168	106	425	142	142	2,832
4	701	1,285	117	467	156	156	3,116
5	531	1,274	106	425	142	142	2,832
6	637	1,529	127	510	170	170	3,398
7	637	1,529	127	510	170	170	3,398
8	637	1,529	127	510	170	170	3,398
9	637	1,529	127	510	170	170	3,398
10	690	1,656	138	552	184	184	3,680
11	690	1,656	138	552	184	184	3,680
12	828	1,518	138	552	184	184	3,680
Tổng	7,835	16,892	1,452	5,820	1,941	1,941	38,791

- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.
- Luôn đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến bộ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.
- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.
- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

C.5.4 Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2
1	4,238	2,282
2	2,473	1,331
3	3,532	1,902
4	3,886	2,092
5	3,260	2,174
6	3,912	2,608
7	3,912	2,608
8	3,912	2,608
9	3,912	2,608
10	4,237	2,825
11	4,237	2,825
12	4,590	2,472
Tổng	46,101	28,335

- Diện tích vùng nuôi riêng của Công ty là 40 Ha với sản lượng 12.000 -14.000 Tấn cá nguyên liệu/năm chiếm 15% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy.
- Diện tích vùng nuôi liên kết là 110 Ha, tổng sản lượng là 40.000 - 45.000 Tấn cá nguyên liệu, chiếm 65%.
- Còn lại khoảng 20% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (15.000 Tấn), công ty sẽ thu mua từ nông dân bên.
- Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 74.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.



Vùng nuôi thủy sản

➤ **Kinh doanh dầu ăn cao cấp Raneer.**

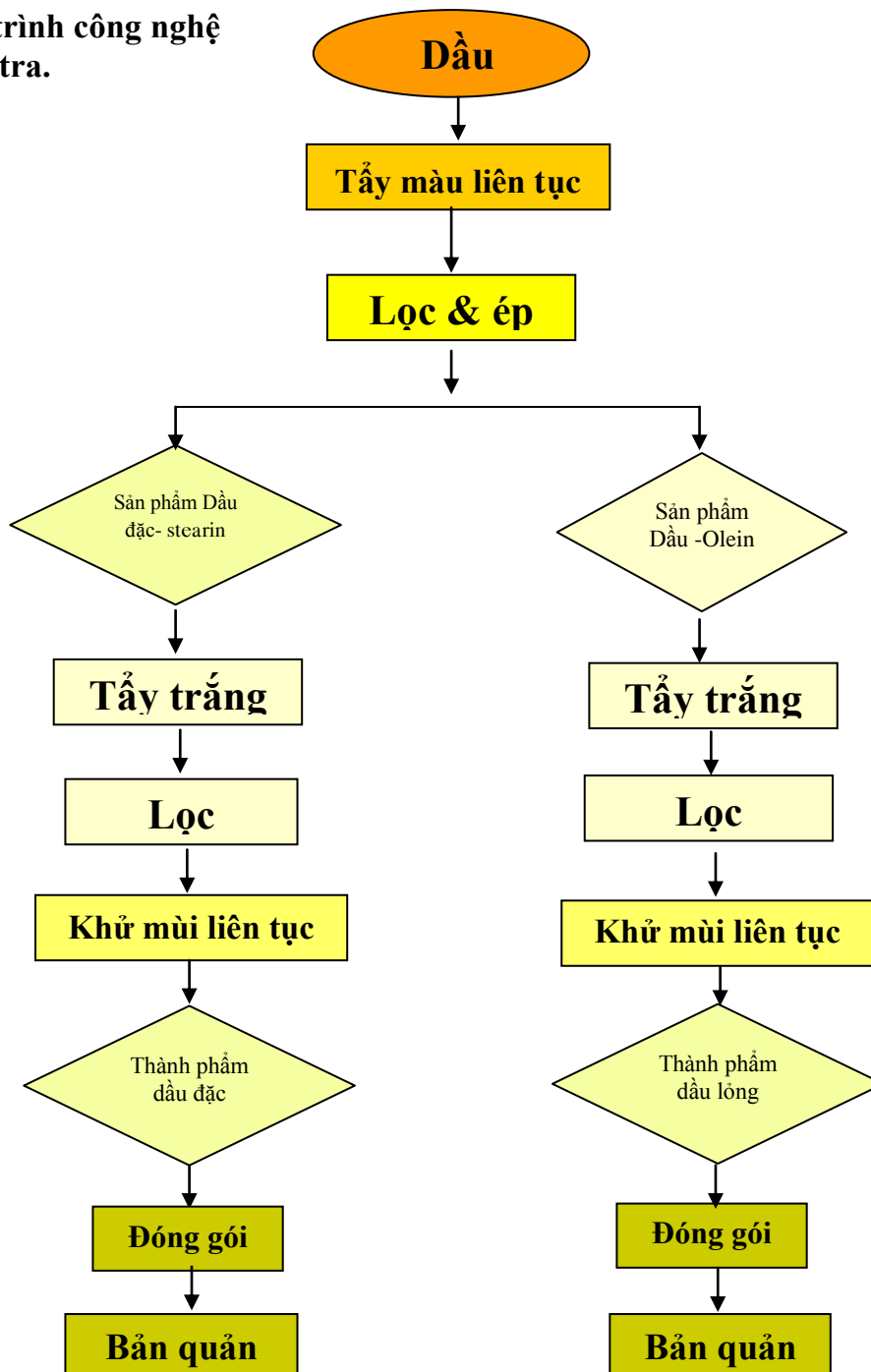
- Mục tiêu sau khi nhà máy chiết rót đóng chai tự động hoàn thành thì với dầu nên được sản xuất ra Công ty sẽ cho ra 4 dòng sản phẩm: Dầu ăn dinh dưỡng cao cấp Raneer, dầu ăn cao cấp Raneer, dầu cooking Raneer và dầu Sorterning Raneer (bắt đầu bán ra thị trường vào tháng 12/2014). Với các chỉ tiêu dinh dưỡng rất tốt và giá thành cạnh tranh cao so với các dầu ăn hiện tại nên Công ty sẽ tập trung vào thị trường trong nước. Bên cạnh đó Công ty cũng tìm kiếm các khách hàng ngoài nước và nhắm đến các hệ thống siêu thị lớn ở các nước như Mỹ, Châu Âu... để xuất khẩu.

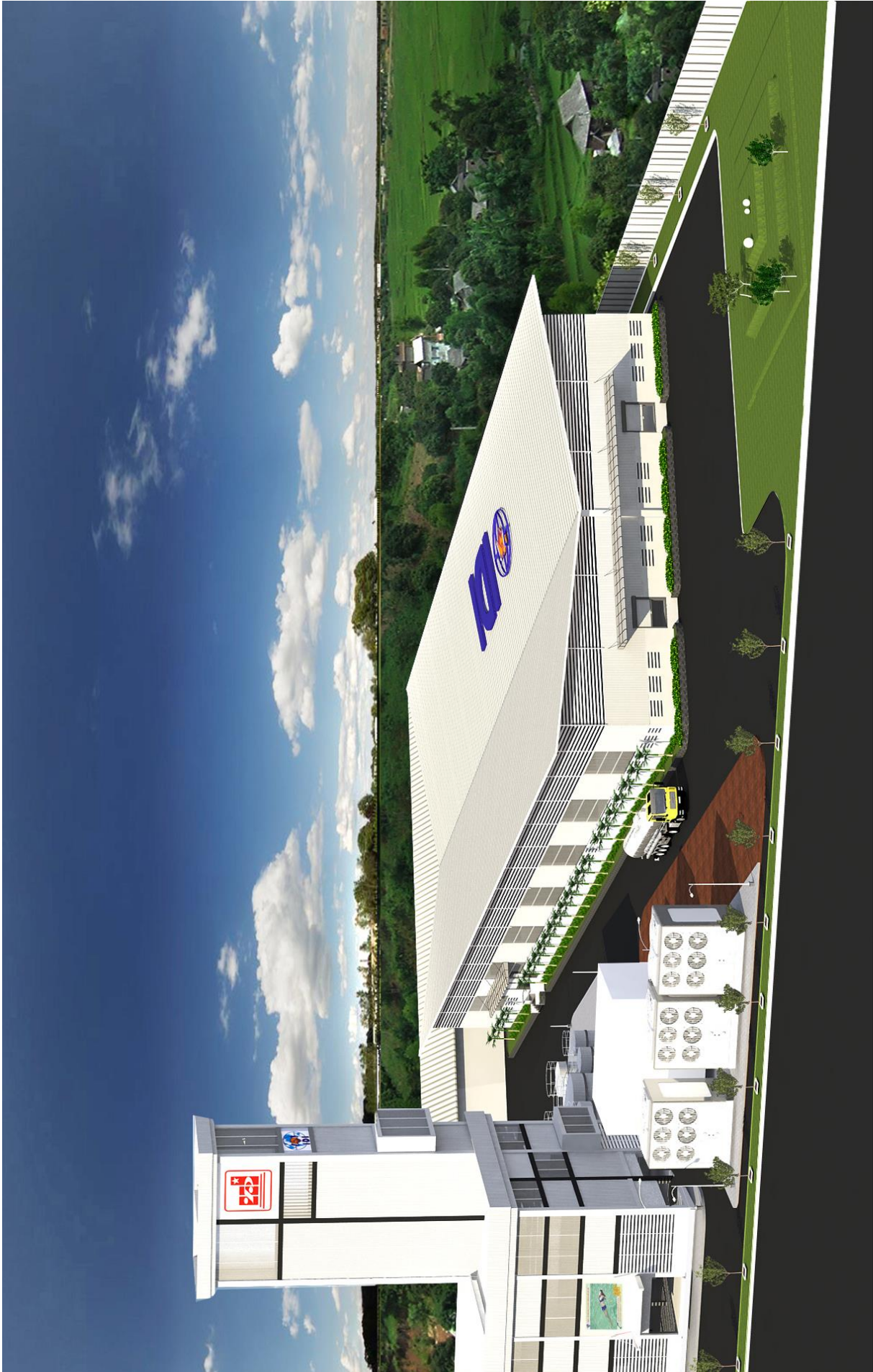
- Tập trung vào việc quảng cáo thương hiệu thông qua các kênh truyền hình, hội thảo tại các thành phố lớn như TP.HCM, TP Hà Nội...

- Tìm đối tác độc quyền có đủ năng lực tài chính để phân phối dầu tại các tỉnh có tiềm năng.

- Đảm bảo cho công suất nhà máy hoạt động trên 70% công suất và doanh thu về mảng dầu này năm 2015 đạt 480 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt khoản 50 tỷ đồng.

Sơ đồ qui trình công nghệ lọc dầu cá tra.





Nhà máy tinh luyện dầu cá (Thực phẩm dinh dưỡng) trong cụm công nghiệp Vàm Cống



Bảng kết quả kinh doanh kế hoạch năm 2015 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015		Tổng Cộng
		Cá tra Fillet	Dầu Ăn Raneec	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,119,960,729,864	2,530,766,757,840	481,260,000,000	3,012,026,757,840
2. Giá vốn hàng bán	1,861,845,220,974	2,234,315,904,638	377,747,548,000	2,612,063,452,638
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	258,115,508,890	296,450,853,202	103,512,452,000	399,963,305,202
4. Doanh thu hoạt động tài chính	19,339,957,802	35,414,515,010		35,414,515,010
5. Chi phí tài chính	63,021,717,632	66,388,298,008		66,388,298,008
6. Chi phí bán hàng	81,278,527,972	97,534,233,566	38,500,800,000	136,035,033,566
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31,688,146,847	41,194,590,901	14,437,800,000	55,632,390,901
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	101,232,423,584	126,748,245,736	50,573,852,000	177,322,097,736
9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	10,813,112,319	6,337,412,286.80		6,337,412,287
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90,419,311,265	120,410,833,449	50,573,852,000	170,984,685,449

C.5.4 Kế hoạch cổ tức như sau: Với kết quả sản xuất kinh doanh như trên, Ban điều hành trình Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch cổ tức năm 2015 là 10% tiền mặt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐA QUỐC GIA I.D.I**

*Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20 tháng 08 năm 2014.

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh nhà. Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20 tháng 08 năm 2014 là 456.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm năm mươi sáu tỷ đồng).

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 90.419.311.265 VND (Năm 2013 lợi nhuận sau thuế là 41.098.539.573 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 132.125.747.184 VND (Năm 2013 lợi nhuận chưa phân phối là 159.838.356.812 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Thanh Thuận	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch	
Ông Lê Xuân Quế	Thành viên	
Ông Lê Văn Chung	Thành viên	
Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014
Ông Nguyễn Văn San	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 09/05/2014
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 09/05/2014
Ông Phạm Đình Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 09/05/2014
Bà Nguyễn Thủy Thương	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 09/05/2014



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Nam	P.Tổng Giám đốc
Ông Lê Đình Lịch	P.Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Hoàng Cương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014
Ông Lê Thanh Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 09/05/2014
Bà Nguyễn Thị Hương	Ủy viên	
Ông Trương Công Khánh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014
Bà Lê Thị Ngọc An	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 09/05/2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Địa chỉ: Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính 2014 kết thúc tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



LÊ THANH THUẬN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 39.../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo Tài chính năm 2014 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I được lập ngày 24 tháng 01 năm 2015, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 02 năm 2015

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Tổng Giám đốc

Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.159.975.923.761	1.063.980.356.682
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	66.127.208.356	103.521.029.113
111	1. Tiền		38.827.208.356	40.021.029.113
112	2. Các khoản tương đương tiền		27.300.000.000	63.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	21.483.381.051	13.364.863.281
121	1. Đầu tư ngắn hạn		21.483.381.051	13.364.863.281
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		504.798.138.198	702.867.218.316
131	1. Phải thu khách hàng	05	344.518.635.604	625.421.180.985
132	2. Trả trước cho người bán		133.674.499.167	26.953.177.099
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	06	62.341.091.876	80.479.793.017
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(35.736.088.449)	(29.986.932.785)
140	IV. Hàng tồn kho	07	522.603.592.270	222.400.600.692
141	1. Hàng tồn kho		522.603.592.270	222.400.600.692
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		44.963.603.886	21.826.645.280
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.457.142.127	2.411.735.378
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.952.021.917	2.959.548.305
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16.1	113.649.312	874.935.598
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	08	28.440.790.530	15.580.425.999

30314
 CÔNG TY
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
 TRIỂN ĐA QUỐC
 GIA I.D.I
 Đ. T. Đ.

050172
 CÔNG TY
 CHỨC NHIỆM HỮU
 H VU TU
 HÍNH KẾ
 KIỂM TOÁN
 HIA NAM
 TP. HỒ C



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		790.676.419.246	781.633.674.140
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		646.816.340.476	643.901.938.622
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	309.037.458.526	353.984.656.610
222	- Nguyên giá		408.756.237.295	437.083.475.448
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(99.718.778.769)	(83.098.818.838)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	144.954.147.787	102.618.685.979
225	- Nguyên giá		160.500.082.606	108.293.929.612
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(15.545.934.819)	(5.675.243.633)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	82.314.767.512	96.789.203.868
228	- Nguyên giá		84.163.336.291	97.562.073.291
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.848.568.779)	(772.869.423)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	110.509.966.651	90.509.392.165
240	III. Bất động sản đầu tư			
241	- Nguyên giá			
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	127.974.660.266	126.884.612.314
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		122.209.500.000	121.169.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		9.000.000.000	9.000.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(3.234.839.734)	(3.284.887.686)
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.885.418.504	10.847.123.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.900.304.755	1.583.973.204
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
268	3. Tài sản dài hạn khác		12.985.113.749	9.263.150.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.950.652.343.007	1.845.614.030.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		1.322.758.977.072	1.268.106.594.832
310	I. Nợ ngắn hạn		1.216.236.504.753	1.200.868.943.197
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	944.006.494.418	788.109.578.429
312	2. Phải trả người bán		207.820.569.986	263.652.526.133
313	3. Người mua trả tiền trước		19.018.492.774	19.888.216.057
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.2	3.965.087.405	58.027.608
315	5. Phải trả người lao động		19.275.731.456	16.978.250.016
316	6. Chi phí phải trả			
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	17.913.304.369	108.500.916.192
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.236.824.345	3.681.428.762
			106.522.472.319	67.237.651.635
330	II. Nợ dài hạn			
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	106.326.921.125	67.237.651.635
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		195.551.194	
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		627.893.365.935	577.507.435.990
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	627.893.365.935	577.507.435.990
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		456.000.000.000	380.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.668.800.000	17.668.800.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		11.000.139.589	10.000.139.589
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		11.098.679.162	10.000.139.589
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		132.125.747.184	159.838.356.812
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.950.652.343.007	1.845.614.030.822



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		886.871,98	264.603,64
- Bảng Anh (EUR)		2.021,97	2.032,89
- Nhân dân tệ (CNY)		7.865,00	1.879,00
- Đô la Hồng Kông (HKD)		12.700,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

0303141
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
 ĐA QUỐC GIA
 I.D.I
 T. ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



TRẦN PHƯỚC MINH

Kế toán trưởng



LÊ XUÂN ĐỊNH

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG

5011
 CÔNG
 NHẬN
 VỤ
 KIỂM
 T. Đ. Đ. Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

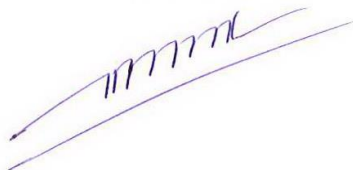
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.126.795.218.671	1.816.412.718.345
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	6.834.488.807	11.999.007.025
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.119.960.729.864	1.804.413.711.320
11	4. Giá vốn hàng bán	23	1.861.845.220.974	1.620.882.463.534
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		258.115.508.890	183.531.247.786
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	19.339.957.802	16.025.956.895
22	7. Chi phí tài chính	25	63.021.717.632	62.235.790.740
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		52.371.597.186	49.440.910.058
24	8. Chi phí bán hàng		81.278.527.972	76.894.649.298
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.688.146.847	20.138.697.719
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		101.467.074.241	40.288.066.924
31	11. Thu nhập khác		21.882.801.204	1.297.786.294
32	12. Chi phí khác		22.117.451.861	1.838.753.863
40	13. Lợi nhuận khác		(234.650.657)	(540.967.569)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		101.232.423.584	39.747.099.355
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	10.813.112.319	(949.847.668)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(401.592.550)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		90.419.311.265	41.098.539.573
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	27	2.177	1.082

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



TRẦN PHƯỚC MINH



LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.814.747.969.275	1.614.654.267.326
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.211.984.770.510)	(1.567.309.694.338)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(122.830.751.065)	(106.727.522.707)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(9.151.910.863)	(56.196.195.948)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(11.298.000)	(138.172.586)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.154.142.176.089	3.799.616.660.801
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.820.220.945.828)	(3.719.781.272.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(195.309.530.902)	(35.881.929.612)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(692.000.000)	(56.332.674.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		15.584.487.358	7.757.048.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.		(1.040.000.000)	(24.176.059.958)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.046.411.199	453.705.626
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.898.898.557	(72.297.980.332)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.515.266.010.480	1.975.651.132.356
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.322.834.395.516)	(1.771.585.858.482)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(15.671.920.419)	(13.361.123.162)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(36.717.977.450)	(384.275.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		140.041.717.095	190.319.875.712
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(37.368.915.250)	82.139.965.768
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		103.521.029.113	21.363.629.685
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(24.905.507)	17.433.660
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		66.127.208.356	103.521.029.113

Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu



TRẦN PHƯỚC MINH

Kế toán trưởng



LÊ XUÂN ĐỊNH

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc



LÊ VĂN CHUNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 28 tháng 8 năm 2007; Đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 02 năm 2008; Đăng ký kinh doanh lần thứ tám do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 18 tháng 12 năm 2009 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 số 0303141296 ngày 20 tháng 08 năm 2014.

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Tổng vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 20 tháng 08 năm 2014 là 456.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm năm mươi sáu tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông; Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh nhà. Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

03031
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
 TRIỂN ĐA QUỐC
 GIA I.D.I
 ĐỒNG THÁP

0117;
 NG T
 HIEM H
 U TU
 H KẾ
 M T
 A NAI
 .HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo phù hợp với chuẩn mực kế toán số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí thành lập;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ - đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 51121000002 ngày 08 tháng 03 năm 2007 và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 51121000003 ngày 24 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp cấp cho dự án đầu tư "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống", Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án "Đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Vàm Cống" với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh, sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất là 22%. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

03. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
TIỀN	38.827.208.356	40.021.029.113
a. Tiền mặt	483.689.005	3.447.857.235
Tiền mặt VND	351.972.219	3.295.174.358
Tiền mặt ngoại tệ	131.716.786	152.682.877
+ Tiền mặt gốc USD	23.410.380	93.159.469
+ Tiền mặt gốc EUR	46.870.231	53.012.673
+ Tiền mặt gốc HKD	34.734.500	6.510.735
+ Tiền mặt gốc CNY	26.701.675	
b. Tiền gửi ngân hàng	38.343.519.351	36.573.171.878
Tiền gửi ngân hàng (VND)	19.403.491.760	31.082.505.022
Tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)	18.940.027.591	5.490.666.856
+ Tiền gửi gốc USD	18.935.251.936	5.484.949.865
+ Tiền gửi gốc EUR	4.775.655	5.716.991
c. Tiền đang chuyển		
CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (VND)	27.300.000.000	63.500.000.000
Cộng	66.127.208.356	103.521.029.113

04. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư ngắn hạn		21.483.381.051		13.364.863.281
a. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	3.035.800	21.483.381.051	2.400.000	13.364.863.281
+ ASM	3.035.800	21.483.381.051	2.400.000	13.364.863.281
b. Đầu tư ngắn hạn khác				
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				
Cộng		21.483.381.051		13.364.863.281

05. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
Phải thu khách hàng trong nước	133.093.209.378	208.498.455.727
Phải thu khách hàng nước ngoài	71.099.629.661	253.802.950.201
Phải thu khách hàng nước ngoài xuất khẩu uỷ thác	140.325.796.565	163.119.775.057
Cộng	344.518.635.604	625.421.180.985

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

06. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
Bảo hiểm xã hội		11.667.223
Phải thu khác	62.341.091.876	80.468.125.794
+ Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	5.321.015.384	12.265.895.034
+ Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài chính	4.196.705.222	4.196.705.222
+ Công ty CP ĐTTTC và truyền thông Quốc Tế	1.250.000.000	1.250.000.000
+ Công ty CP Dầu Cá Châu Á	59.800.000	
+ Ban Quản lý dự án huyện Lấp Vò	1.635.320.000	55.614.520.900
+ Cục thuế tỉnh Đồng Tháp	37.284.339.978	5.821.540.906
+ Đối tượng khác	12.593.911.292	1.319.463.732
Cộng	62.341.091.876	80.479.793.017

07. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
- Hàng mua đang đi đường		223.514.940
- Nguyên liệu, vật liệu	31.852.739.839	23.746.346.571
- Công cụ, dụng cụ	449.126.258	318.373.040
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	170.604.666.004	69.850.399.924
- Thành phẩm	197.400.517.289	112.084.216.538
- Hàng hóa	110.985.523.416	7.368.995.817
- Hàng gửi đi bán	11.311.019.464	8.808.753.862
Cộng	522.603.592.270	222.400.600.692

08. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
Tạm ứng	28.440.790.530	13.391.245.100
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		2.189.180.899
+ NH TMCP Sài Gòn Hà Nội -CN.An Giang		2.189.180.899
Cộng	28.440.790.530	15.580.425.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2014

09. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	125.038.095.202	304.205.661.489	4.793.108.140	947.102.800	2.099.507.817	437.083.475.448
2. Số tăng trong kỳ	1.178.807.600	812.669.999	642.930.909		2.172.998.242	4.807.406.750
- Mua trong kỳ	1.178.807.600	812.669.999	642.930.909		2.172.998.242	4.807.406.750
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ		33.134.644.903				33.134.644.903
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		33.134.644.903				33.134.644.903
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	126.216.902.802	271.883.686.585	5.436.039.049	947.102.800	4.272.506.059	408.756.237.295
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	6.537.968.518	72.052.245.471	3.007.920.218	491.094.723	1.009.589.908	83.098.818.838
2. Khấu hao trong kỳ	3.946.270.137	23.285.074.868	397.201.832	122.441.263	359.644.172	28.110.632.272
- Khấu hao trong kỳ	3.946.270.137	23.285.074.868	397.201.832	122.441.263	359.644.172	28.110.632.272
- Tăng khác						
3. Giảm trong kỳ		11.490.672.341				11.490.672.341
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		11.490.672.341				11.490.672.341
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ	10.484.238.655	83.846.647.998	3.405.122.050	613.536.061	1.369.234.080	99.718.778.769
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	118.500.126.684	232.153.416.018	1.785.187.922	456.008.077	1.089.917.909	353.984.656.610
2. Tại ngày cuối kỳ	115.732.664.147	188.037.038.587	2.030.916.999	333.566.739	2.903.271.979	309.037.458.526

Đơn vị tính: VND



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2014

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH	Đơn vị tính: VND					
Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ		98.173.364.446	10.120.565.166			108.293.929.612
2. Số tăng trong kỳ		52.206.152.994				52.206.152.994
- Mua trong kỳ		52.206.152.994				
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tặng khác						
3. Số giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		150.379.517.440	10.120.565.166			160.500.082.606
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ		719.949.155	4.955.294.478			5.675.243.633
2. Khấu hao trong kỳ		7.477.297.791	2.393.393.395			9.870.691.186
- Khấu hao trong kỳ		7.477.297.791	2.393.393.395			
- Tặng khác						
3. Giảm trong kỳ						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
4. Số dư cuối kỳ		8.197.246.946	7.348.687.873			15.545.934.819
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ		97.453.415.291	5.165.270.688			102.618.685.979
2. Tại ngày cuối kỳ		142.182.270.494	2.771.877.293			144.954.147.787



Báo cáo tài chính
năm tài chính 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2014

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bảng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH					
Đơn vị tính: VND					
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	97.467.073.291		95.000.000		97.562.073.291
2. Số tăng trong kỳ	2.436.820.000				2.436.820.000
- Mua trong kỳ	2.436.820.000				2.436.820.000
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
3. Số giảm trong kỳ	15.835.557.000				15.835.557.000
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	15.835.557.000				15.835.557.000
4. Số dư cuối kỳ	84.068.336.291		95.000.000		84.163.336.291
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ	758.602.749		14.266.674		772.869.423
2. Khấu hao trong kỳ	1.058.849.352		16.850.004		1.075.699.356
- Khấu hao trong kỳ	1.058.849.352		16.850.004		1.075.699.356
- Tặng khác					
3. Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	1.817.452.101		31.116.753		1.848.568.779
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu kỳ	96.708.470.542		80.733.326		96.789.203.868
2. Tại ngày cuối kỳ	82.250.884.190		63.883.247		82.314.767.512



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
- Xây dựng cơ bản dở dang:	109.048.466.653	90.420.892.167
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	32.614.674.347	32.614.674.347
+ Trạm dừng chân-bến xe Lấp Vò	90.318.182	90.318.182
+ Nhà máy đông lạnh	518.181.818	518.181.818
+ Khu liên hợp Công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI	454.545.455	454.545.455
+ Trung tâm thương mại H.Lấp Vò	13.783.314.945	13.783.314.945
+ Đất khu tái định cư	5.927.374.928	5.927.374.928
+ Nhà máy tinh lọc dầu cá	67.719.533.373	37.032.482.492
+ Bất động sản	1.723.838.550	
- Mua sắm tài sản cố định	1.461.499.998	88.499.998
Cộng	110.509.966.651	90.509.392.165

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		122.209.500.000		121.169.500.000
- Cty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản	6.800.000	68.000.000.000	6.800.000	68.000.000.000
- Cty CP Đầu tư Địa ốc và Khoáng sản Châu Á (*)			2.031.950	20.319.500.000
- Công ty Cổ phần Dầu Cá Châu Á	2.131.950	21.319.500.000		
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	3.289.000	32.890.000.000	3.285.000	32.850.000.000
Đầu tư dài hạn khác		9.000.000.000		9.000.000.000
- Công ty CP Nhật Hồng	900.000	9.000.000.000	900.000	9.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.234.839.734)		(3.284.887.686)
Cộng		127.974.660.266		126.884.612.314

Ghi chú: (*) Công Ty Cp Đầu tư Địa ốc và Khoáng Sản Châu Á đổi tên thành Công ty Cp Dầu Cá Châu Á theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401274641 thay đổi lần thứ 7 ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
- Công cụ dụng cụ	2.897.488.843	1.551.008.428
- Chi phí khác	2.815.912	32.964.776
Cộng	2.900.304.755	1.583.973.204

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
Vay ngắn hạn ngân hàng		
+ Việt Nam đồng	520.721.500.760	305.930.000.000
+ Ngoại tệ - USD	423.284.993.658	482.179.578.429
Cộng	944.006.494.418	788.109.578.429



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	31/12/2014	01/01/2014
16.1 Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	113.649.312	527.262.660
- Thuế giá trị gia tăng phải thu Nhà Nước		347.672.938
- Các khoản khác phải thu nhà nước		
Cộng	113.649.312	874.935.598
16.2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước		
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.236.718.523	51.592.608
- Thuế thu nhập cá nhân	698.578.882	6.435.000
- Thuế tài nguyên	29.790.000	
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	3.965.087.405	58.027.608
17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	52.287.503	27.715.597
- Kinh phí công đoàn	459.263.280	345.956.280
- Bảo hiểm xã hội		144.924.000
- Bảo hiểm y tế		27.173.250
- Bảo hiểm thất nghiệp		12.077.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.304.100.230	9.732.880.500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.097.653.356	98.210.189.565
+ Cổ tức phải trả	770.250.000	651.550.000
+ Tiền vận chuyển		2.864.763.818
+ Hoa hồng môi giới	682.560.106	1.263.732.766
+ Phải trả khác	6.644.843.250	93.430.142.981
Cộng	17.913.304.369	108.500.916.192
18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN		
a. Vay dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
- Vay ngân hàng - VND	45.764.964.310	62.325.370.934
- Vay ngân hàng - USD	43.648.000.000	57.454.184.264
	2.116.964.310	4.871.186.670
b. Nợ dài hạn (thuê tài chính)	60.561.956.815	4.912.280.701
Cộng	106.326.921.125	67.237.651.635

Báo cáo tài chính
năm tài chính 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Chánh, Lập Vó, Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2014

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu kỳ trước	380.000.000.000	17.668.800.000		8.170.687.361	8.170.687.361	124.288.173.923	
Tăng vốn trong kỳ trước							
Lãi trong kỳ trước						41.098.539.573	
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				1.829.452.228	1.829.452.228		
Giảm vốn trong kỳ trước							
Trích quỹ từ lợi nhuận						(5.488.356.684)	
Lỗ trong kỳ trước							
Thu lao hội đồng quản trị						(60.000.000)	
Số dư đầu kỳ này	380.000.000.000	17.668.800.000		10.000.139.589	10.000.139.589	159.838.356.812	
Tăng vốn trong kỳ này	76.000.000.000						
Lãi trong kỳ này						90.419.311.265	
Tăng do trích từ lợi nhuận				1.000.000.000	1.098.539.573		
Trích quỹ từ lợi nhuận						(3.098.539.573)	
Giảm vốn trong kỳ này							
Thu lao hội đồng quản trị						(384.000.000)	
Chia cổ tức						(114.000.000.000)	
Giảm khác						(649.381.320)	
Số dư cuối kỳ này	456.000.000.000	17.668.800.000		11.000.139.589	11.098.679.162	132.125.747.184	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	%	Đầu kỳ	%
Vốn góp của Nhà nước				
Vốn góp của các cổ đông	456.000.000.000		380.000.000.000	
Trong đó				
Do pháp nhân nắm giữ:	140.324.460.000	30,77%	88.213.890.000	23,21%
Do thể nhân nắm giữ	315.675.540.000	69,23%	291.786.110.000	76,79%
Cộng	456.000.000.000		380.000.000.000	

3031412
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
 TRIỂN ĐA QUỐC
 GIA I.D.I
 Đ. F. Đ. Đ. Đ.

19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	380.000.000.000	380.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	76.000.000.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	456.000.000.000	380.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	114.000.000.000	

0117
 CÔNG
 NHẬN
 VỤ Y
 TÍNH K
 KIỂM T
 Á N
 TP. HỒ

19. d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.600.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.600.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.600.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.600.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	45.600.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

19. đ) Các quỹ của công ty:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Quỹ đầu tư phát triển	11.000.139.589	10.000.139.589
Quỹ dự phòng tài chính	11.098.679.162	10.000.139.589

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	1.909.205.412.109	1.717.060.338.782
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.016.314.163	49.780.336.712
Doanh thu bất động sản đầu tư	119.067.242.507	15.797.762.701
Doanh thu từ dầu cá	75.249.138.438	33.377.396.362
Doanh thu khác	1.257.111.454	396.883.788
Cộng	2.126.795.218.671	1.816.412.718.345

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
Giảm giá hàng bán	1.503.225.180	
Hàng bán bị trả lại	5.331.263.627	11.999.007.025
Cộng	6.834.488.807	11.999.007.025

22. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	1.905.139.714.537	1.716.006.338.782
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.016.314.163	49.780.336.712
Doanh thu thuần bất động sản đầu tư	116.298.451.272	4.852.755.676
Doanh thu thuần từ dầu cá	75.249.138.438	33.377.396.362
Doanh thu thuần khác	1.257.111.454	396.883.788
Cộng	2.119.960.729.864	1.804.413.711.320

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.683.616.647.588	1.529.042.217.119
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.428.912.090	50.251.000.024
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	86.006.009.539	3.171.018.598
Giá vốn từ dầu cá	73.601.724.034	38.021.344.226
Giá vốn khác	1.191.927.723	396.883.567
Cộng	1.861.845.220.974	1.620.882.463.534

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
- Lãi tiền gửi	2.846.431.595	453.705.626
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.200.000.000	
- Lãi bán hàng trả chậm		55.545.353
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.354.068.733	15.516.705.681
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	710.788.433	
- Lãi thanh toán trước	790.128.634	
- Lãi cho vay vốn	113.236.637	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.325.303.770	235
Cộng	19.339.957.802	16.025.956.895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
- Lãi tiền vay	52.371.597.186	49.693.949.311
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.963.577.186	13.935.647.321
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		694.786.607
- Lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(50.047.952)	(2.239.592.499)
- Chi phí tài chính khác	736.591.212	151.000.000
Cộng	63.021.717.632	62.235.790.740

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.035.092.179	1.223.090.570
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	778.020.140	(2.172.938.238)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.813.112.319	(949.847.668)

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	90.419.311.265	41.098.539.573
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	41.539.726	38.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.177	1.082

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.490.303.875.815	1.214.078.409.918
Chi phí nhân công	115.646.264.288	100.728.267.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.938.441.309	26.361.473.559
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.179.703.449	27.572.092.061
Chi phí khác bằng tiền	5.776.373.066	5.731.033.522
Cộng	1.688.844.657.927	1.374.471.277.034

29. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

29.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

b. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	Cổ đông lớn
Cty CP ĐT Du lịch & Phát triển Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	Công ty liên kết
Cty CP Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Bán cá thành phẩm	699.842.111.750
	- Chuyển nhượng dự án trung tâm thương mại	105.000.000.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	24.736.581.523
	- Phí uỷ thác xuất khẩu	4.019.400.000
	- Bán thức ăn	1.439.952.938
	- Cho vay cho mượn tạm	13.399.010.000
	- Chi hộ chi phí hoa hồng	1.892.376.470
	- Chi hộ tiền BHXH	57.330.000
	- Xây dựng Nhà máy chế biến dầu cá	38.184.013.753
	- Mua thức ăn	182.304.946.130
	- Phải trả uỷ thác xuất khẩu	525.060.430.316
	- Phải trả tiền chi hộ BHXH	423.686.500

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	- Bán dầu cá, vật tư, mỡ cá...	118.085.777.007
	- Chi hộ tiền BHXH	70.980.000
	- Thu hoàn tiền mượn tạm	14.470.000
	- Mua mỡ cá nguyên liệu	73.948.698.750
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Bán phụ phẩm cá	286.933.895.248
	- Mua mỡ cá	53.943.507.900
	- Trả tiền uỷ thác xuất khẩu	4.403.605.452
	- Mua bong bong cá	666.653.750
	- Cho vay cho mượn tạm	12.700.000.000
	- Chi hộ phí hoa hồng	145.354.713

Đến ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Phải thu tiền thức ăn cá	1.439.952.938
	- Chi phí UTXK	1.053.900.120

141290
 G.T.Y
 HÂN
 PHÁT TRIỂN
 ĐA QUỐC GIA
 I.D.I
 ĐỒNG

06011
 CÔNG
 CHỨC
 H. VỤ T
 HÍNH K
 KIỂM T
 TIA N
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND Các khoản phải thu (VND)
	- Tiền 83 nền KDC Bình Khánh	3.260.104.000
	- Tiền chi hộ cước vận chuyển	5.385.197.750
	- Tiền chi dùm tiền BHXH	5.200.000
	- Thu tiền chi dùm chi phí gia công nuôi cá	1.667.041.132
	- Thanh toán trước tiền mua cá nguyên liệu	2.645.053.870
	- Tiền UTXK	14.210.969.567
	- Phải thu tiền bán cá thành phẩm	74.862.520.925
Công ty CP Dầu Cá Châu Á	- Thu tiền chi hộ tiền BHXH	59.800.000
Công ty CP ĐT Du lịch và Phát triển Thủy sản	- Thu tiền từ bán phụ phẩm cá	27.833.895.248
Công ty CP Tư vấn và ĐT Tài chính	- Phải thu tiền cho mượn	4.011.372.222
	- Phải thu khác	185.333.000
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
Công ty CP ĐT và XD Sao Mai tỉnh An Giang	- Phải trả mua cá nguyên liệu	9.365.029.600
	- Phải trả tiền xây dựng	3.899.000.000

31.2. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

a. Khu vực địa lý

Tại ngày 31/12/2014, Công ty có trụ sở tại Tỉnh Đồng Tháp và không có chi nhánh. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

b. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là mua bán chế biến thủy hải sản.

31.3. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất làm trụ sở hoạt động chính tại QL 80, cụm Công Nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp với thời hạn thuê đất là 50 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

31.4. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.127.208.356		103.521.029.113	
Phải thu khách hàng	344.518.635.604	(35.736.088.449)	625.421.180.985	(29.986.932.785)
Trả trước cho người bán	133.674.499.167		26.953.177.099	
Các khoản phải thu khác	62.341.091.876	80.479.793.017	80.479.793.017	
Cộng	606.661.435.003	(35.736.088.449)	836.375.180.214	(29.986.932.785)
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	207.820.569.986		263.652.526.133	
Người mua trả tiền trước	19.018.492.774		19.888.216.057	
Vay và nợ	1.050.333.415.543		855.347.230.064	
Phải trả người lao động	19.275.731.456		16.978.250.016	
Các khoản phải trả khác	17.913.304.369		108.500.916.192	
Cộng	1.314.361.514.128		1.264.367.138.462	

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công ty tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác, nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

31.5. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2014

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác). Đơn vị tính: VND

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2014	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	207.820.569.986			207.820.569.986
Người mua trả tiền trước	19.018.492.774			19.018.492.774
Vay và nợ	1.050.333.415.543	106.326.921.125		1.156.660.336.668
Các khoản phải trả phải nộp khác	17.913.304.369			
Cộng	1.295.085.782.672	106.326.921.125		1.383.499.399.428



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
 Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính
 năm tài chính 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp: Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến hoạt động tiền gửi ngân hàng và việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện chủ yếu bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND. Công ty đánh giá rủi ro này ảnh hưởng không đáng kể.

h. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

i. Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

31.6. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2013 kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DV Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

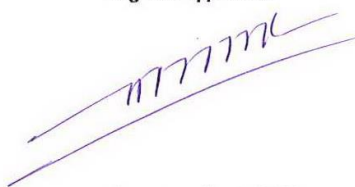
Đồng Tháp, ngày 24 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN PHƯỚC MINH



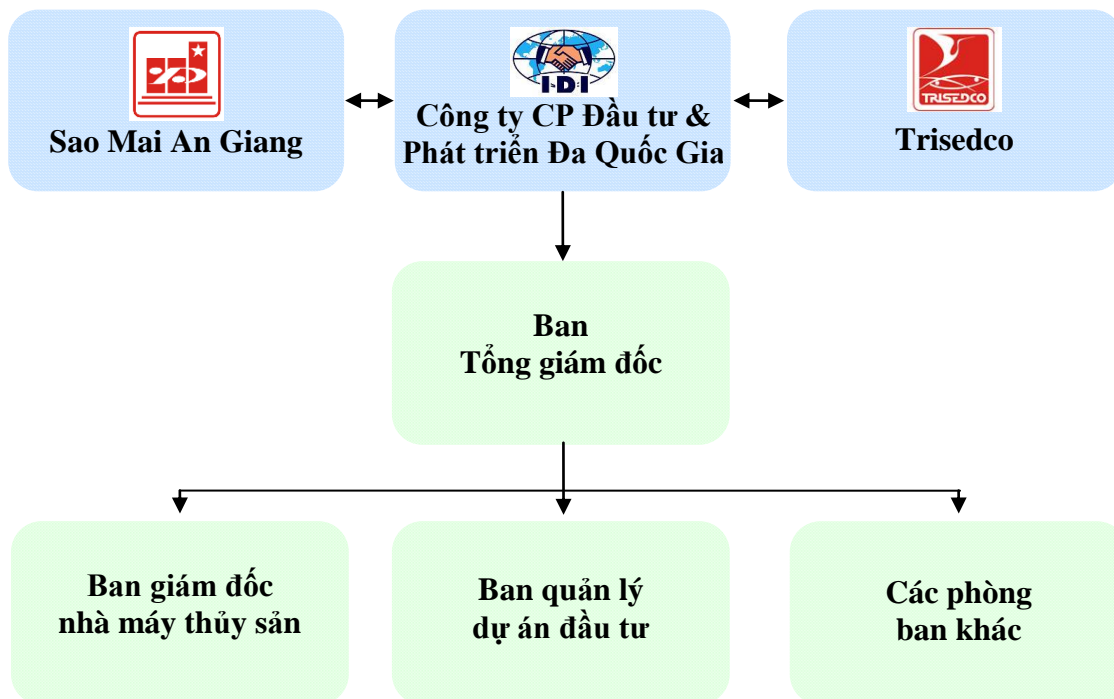
LÊ XUÂN ĐỊNH



LÊ VĂN CHUNG

**TỔ CHỨC & NHẬN SỰ CÔNG TY
I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC**

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



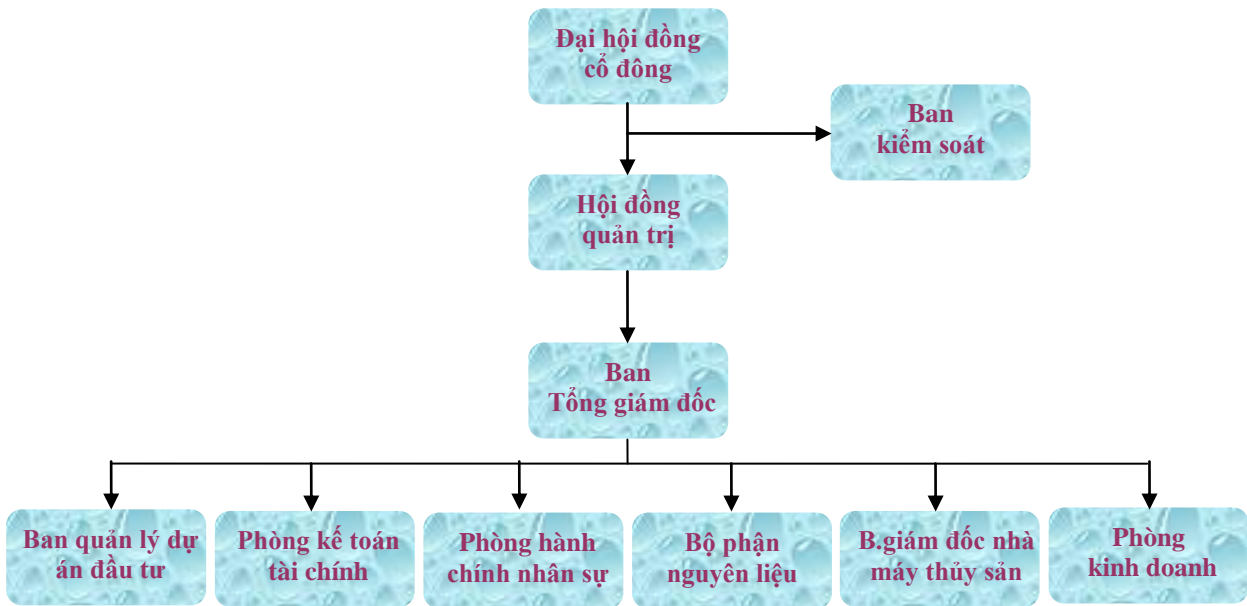
CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, Ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất. Cụ thể như sau:

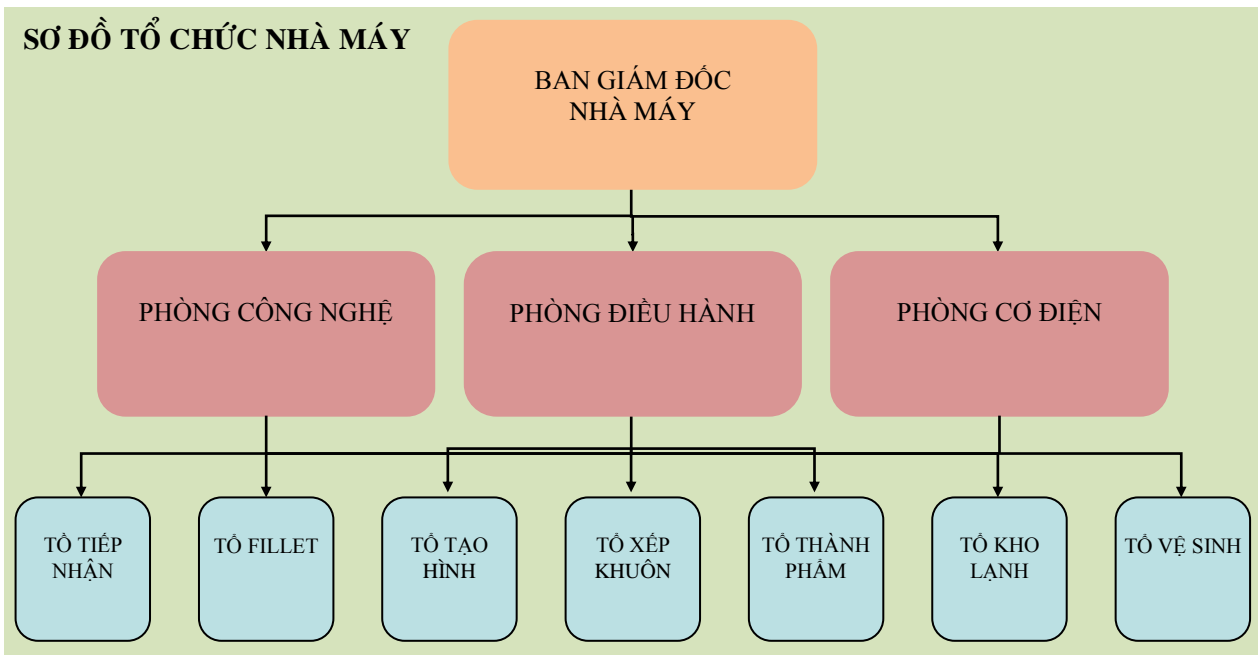
- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành phẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án khác tại huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.



II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC NHÀ MÁY



2.1 Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 08 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.

- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- Ông Lê Thanh Thuận Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Văn Hưng Phó chủ tịch.
- Ông Lê Văn Chung Thành viên.
- Ông Lê Xuân Quế Thành viên.
- Ông Trương Vĩnh Thành Thành viên.
- Ông Phạm Đình Nam Thành viên.
- Ông Trần Hải Hà Thành viên.

- o Bà Nguyễn Thùy Thương Thành viên.

2.2 Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 06 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 03 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của Công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

- Ban tổng giám đốc gồm có:

- o Ông Lê Văn Chung Tổng Giám đốc.
- o Ông Lê Văn Cảnh Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Phạm Đình Nam Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Lê Đình Lịch Phó Tổng Giám đốc.
- o Ông Trương Công Khánh Giám đốc tài chính.
- o Ông Lê Xuân Định Kế toán trưởng.

2.3 Ban kiểm soát

- Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- BKS công ty nhiệm kỳ 2012 – 2017 gồm:

- o Ông Lê Hoàng Cương Trưởng ban.
- o Bà Nguyễn Thị Hương Ủy viên.
- o Bà Lê Thanh Dũng Ủy viên.

2.4 Các phòng ban khác

a) Phòng kế toán tài chính

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung dài hạn, giải quyết công nợ với khách hàng.

b) Phòng hành chính nhân sự

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự.

c) Xí nghiệp phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch.

d) Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu.

III/ THÔNG TIN HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT



3.1 Hội đồng quản trị





ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2012



	<p style="text-align: center;">Ông Lê Thanh Thuận – Chủ tịch HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số : 350006170 cấp ngày 17/01/2008 tại Tỉnh An Giang - Giới tính : Nam - Ngày sinh : 10/3/1958 - Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Lê Thanh Thuận sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977 ông Thuận làm việc tại Sở xây dựng An Giang. - Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang. - Năm 1982, ông Thuận được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986. - Từ năm 1992, ông Thuận được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây - Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. - Năm 2003, ông thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay. 	
	<p style="text-align: center;">Ông Nguyễn Văn Hưng – Phó chủ tịch HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số: 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 18/05/1954 - Địa chỉ thường trú: 49/30 Khúc Thừa Dụ, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang.
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Nguyễn Văn Hưng sinh tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975. - Năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995. - Từ năm 1997, Ông Hưng tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai và giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc. - Năm 2003, ông tham gia thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) và giữ chức vụ phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay. - Ngoài ra, Ông cũng đang giữ vị trí lãnh đạo khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản. 	



Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.
- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.





Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT

- CMND số: 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/05/1968
- Địa chỉ thường trú : 647B/33. Tôn Thất Thuyết, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Xuân Quế sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng.
- Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam trực thuộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2003, Ông được điều về công tác tại văn phòng công ty Sao Mai sau đó giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty.
- Năm 2010, ông Lê Xuân Quế được bầu vào và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của công ty IDI cho đến nay.
- Ngoài ra, Ông Quế còn giữ các chức vụ quản trị tại các công ty khác như thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.


	<p style="text-align: center;">Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số: 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 07/7/1977 - Địa chỉ thường trú: Số 83.Lô E1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trương Vĩnh Thành sinh ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Bách khoa TPHCM năm 1999. - Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai. - Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điện hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai. - Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia. - Năm 2008 - 2011: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia. - Từ 2011 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. 	
	<p style="text-align: center;">Ông Phạm Đình Nam – Thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số: 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 08/02/1969 - Địa chỉ thường trú: 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quý –TP.Long xuyên –AG
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Phạm Đình Nam sinh tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nam tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại Trường Xây dựng Miền Tây, quá trình công tác như sau: - Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu - Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu - Từ 1998-2005 : Giám đốc XN Phương Nam thuộc công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang. - Từ 2006- 2009 : Giám đốc ban quản lý dự án Sao Mai Bến Tre - Từ 2009- 2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco) - Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia. 	


	<p style="text-align: center;">Ông TRẦN HẢI HÀ – Thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số: 012168414 - Giới tính: Nam - Ngày sinh: 26/07/1980 - Địa chỉ thường trú : Số 1, Khu A2, Tập thể Đại học KTQD, hai Bà Trưng, Hà Nội.
<p>Ông Trần Hải Hà có quá trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 7/2002 – 9/2003: Cán bộ Tín dụng tại VP Bank. - Từ 9/2003 – 11/2009 : Phó Giám đốc PGDT Trưởng phòng QHKH tại BIDV. - Từ 11/2009 – 4/2011: Phó Giám đốc Khối KHL và ĐCTC Hội sở tại MB Bank. - Từ 4/2011 – 5/2013 : Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng tại MB Bank. - Từ 6/2013 – nay: Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán MB (MBS). 	


	<p style="text-align: center;">Bà NGUYỄN THÙY THƯƠNG – Thành viên HĐQT</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số : 012401449 - Giới tính : Nữ - Ngày sinh : 03/12/1983 - Địa chỉ thường trú : P508, 17T10, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
<p>Bà Nguyễn Thùy Thương có quá trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 4/2005 – 6/2008: Chuyên viên tư vấn tài chính DN – Công ty chứng khoán Thăng Long. - Từ 6/2008 – 6/2010 : Phó phòng Tư vấn TCDN – Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư – Công ty chứng khoán Thăng Long (Nay là Công ty chứng khoán MB). - Từ 6/2010 - nay : Trưởng phòng tư vấn TCDN – Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư– Công ty CP chứng khoán MB. - Từ 4/2005 – 6/2008: Chuyên viên tư vấn tài chính DN – Công ty chứng khoán Thăng Long. - Từ 6/2008 – 6/2010 : Phó phòng Tư vấn TCDN – Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư – Công ty chứng khoán Thăng Long (Nay là Công ty chứng khoán MB). 	

2.2 Ban Tổng giám đốc

- Ông Lê Văn Chung – Tổng Giám đốc.(đã tóm tắt ở trên).
- Ông Phạm Đình Nam - Phó Tổng Giám Đốc (đã tóm tắt ở trên).

	<p style="text-align: center;">Ông Lê Đình Lịch - Phó Tổng giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none">- CMND số : 113242305 cấp ngày 04-6-2003 tại CA Hòa Bình.- Giới tính : Nam.- Ngày sinh: 12-5-1957.- Địa chỉ thường trú : Tổ 2A Phường Tân Thịnh TP. Hòa Bình, tỉnh Bình.
<ul style="list-style-type: none">- Ông Lê Đình Lịch sinh tại Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.- Ông tốt nghiệp khoa tiếng Nga trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà nội và tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng Trường Đại học xây dựng Hà Nội. <p>Qua trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Từ 1975 – 1978 : Học tại Liên Xô (cũ).- Từ 1979 – 1993 : Tham gia xây dựng Thủy điện Sông Đà Hòa bình.- Từ 1993 – 1997 : Quản đốc phân xưởng May công nghiệp Tổng đội thanh niên Sông Đà.- Từ 1997 – 2007: Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty May xuất khẩu 3-2 Hòa Bình.- Từ 2007 – 2009 : Giám đốc Chi nhánh Công ty CPĐT & XD Sao Mai tại tỉnh hòa Bình.- Từ 2009 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CPĐT & PT Đa quốc gia.- Số lượng cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.	

	<p style="text-align: center;">Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc</p> <ul style="list-style-type: none">- CMND số: 352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại Công An tỉnh Thanh Hóa.- Giới tính: Nam- Ngày sinh: 10/09/1975- Địa chỉ thường trú: 46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh , TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.
<ul style="list-style-type: none">- Ông Lê Văn Cảnh sinh tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ngành xây dựng. <p>Quá trình công tác như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Từ 2000 – 2005: Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.- Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.- Từ 2006 – 2010: Phó giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng Cụm Công nghiệp Vàm Cống.- Từ 2010 đến nay: Làm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI.	

	<p style="text-align: center;">Ông Trương Công Khánh – Giám Đốc Tài Chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số : 341365203 cấp ngày 23/8/2008 tại CA Đồng Tháp. - Giới tính : Nam - Ngày sinh : 13/3/1987 - Địa chỉ thường trú: Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Trương Công Khánh Sinh tại An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp. - Năm 2009 tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành kế toán kiểm toán. - Tháng 08 năm 2009 làm việc tại Ban kiểm toán nội bộ Công ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành. - Tháng 11/2011 Làm Kế toán Trưởng Công ty CP Đầu Tư Địa Ốc & Khoáng Sản Châu Á. - Tháng 10/2013 Làm GĐTC Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI. 	
	<p style="text-align: center;">Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CMND số: 172620734 cấp ngày 10/04/2003 tại CA Thanh Hoá.. - Giới tính: Nam. - Ngày sinh : 04/03/1985 - Địa chỉ thường trú : Số 333. Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.
<ul style="list-style-type: none"> - Ông Lê Xuân Định sinh tại Minh Khôi, Nông Cống Thanh Hóa. - Năm 2007 Ông Lê Xuân Định tốt nghiệp cử nhân kế toán và cũng trong năm 2007 ông làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI. - Năm 2011 ông Lê Xuân Định giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI cho đến nay. 	

2.3 Ban kiểm soát

- a) Ông Lê Hoàng Cương – TB. Kiểm Soát.
 - CMND số : 370 990 568 cấp ngày 24/03/2000 tại CA Kiên Giang
 - Giới tính : Nam
 - Ngày sinh : 1985
 - Địa chỉ thường trú : 21N1, KDC Bình Khánh 3 - P. Bình Khánh - Long Xuyên - An Giang
 - Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.
- b) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.
 - CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
 - Giới tính : Nữ
 - Ngày sinh : 1984
 - Địa chỉ thường trú : Số 34D3. Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
 - Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

c) Ông Lê Thanh Dũng – Ủy viên.

- CMND số : 173 526 473 cấp ngày 22/10/2008 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1990
- Địa chỉ thường trú : KDC Sao Mai, An Giang, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

III/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

STT	Tên cá nhân	Chức vụ tại công ty	Số CMND ĐKKD	Ngày cấp CMND ĐKKD	Nơi cấp CMND ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu giữ chức vụ trong ban điều hành	Thời điểm không còn giữ chức vụ trong ban điều hành	Lý do
1	Nguyễn Văn Sơn	TV.HĐQT	361902934	18/03/2013	CA.Cần Thơ	TP.Cần Thơ	19/05/2012	09/06/2014	Vì công việc riêng.
2	Quách Mạnh Hào	TV.HĐQT	012159661	01/08/1998	CA. Hà Nội	Đông Đa – Hà Nội	19/05/2012	09/06/2014	Vì công việc riêng
3	Phạm Đình Nam	TV.HĐQT	351333247	29/06/2008	CA.An Giang	Long Xuyên An Giang	09/05/2014	Hiện đang giữ chức vụ TV.HĐQT	Theo Nghị quyết 01 ĐHCĐ-IDI/2014
4	Trần Hải Hà	TV.HĐQT	012168414	03/08/2010	CA.Hà Nội	Hai Bà Trưng Hà Nội	09/05/2014	Hiện đang giữ chức vụ TV.HĐQT	Theo Nghị quyết 01 ĐHCĐ-IDI/2014
5	Nguyễn Thùy Thương	TV.HĐQT	012401449	18/09/2010	CA.Hà Nội	Đông Anh Hà Nội	09/05/2014	Hiện đang giữ chức vụ TV.HĐQT	Theo Nghị quyết 01 ĐHCĐ-IDI/2014
6	Lê Hoàng Cương	TB.KS	370990568	24/03/2000	CA.KG	Long Xuyên An Giang	09/05/2014	Hiện đang giữ chức vụ TB.KS	Theo Nghị quyết 01 ĐHCĐ-IDI/2014
7	Lê Thanh Dũng	TV.BKS	173526473	22/10/2008	CA. Thanh Hóa	Lấp Vò Đồng Tháp	09/05/2014	Hiện đang giữ chức vụ TV.BKS	Theo Nghị quyết 01 ĐHCĐ-IDI/2014

V/ NGUỒN NHÂN LỰC

4.1 Lực lượng lao động

- Năm 2014, Công ty đã thực hiện tuyển dụng và đào tạo được nhiều kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề cao từ 2.540 người lúc đầu năm 2014 và tăng lên 2.798 người lúc cuối năm 2014 để bổ sung cho nhà máy tinh luyện dầu cá và nhà máy chế biến cá tra.

- Trong năm 2014 Công ty cũng đã thực hiện nhiều chính sách đào tạo cán bộ theo chiều sâu mà cụ thể là đã cử nhiều cán bộ đi du học tại Trung Quốc.... Với nhiệm vụ vừa học vừa phát triển thị trường Trung Quốc đi kèm với việc quản lý khách hàng cũng như việc thu hồi công nợ tại thị trường Trung Quốc. Cử các cán bộ chuyên trách tham gia các lớp huấn luyện, học tập nghiệp vụ chuyên môn cũng như nắm bắt các thay đổi, các quy định mới về thuế, về quản lý chất lượng...Không những thế một số bộ phận quan trọng của công ty cũng được cử đi đào tạo chuyên môn tại các nước phát triển như: Mỹ, Úc, Singapore, Châu Âu... Trong năm Công ty cũng có mời các chuyên gia nước ngoài về Công ty để tư vấn hướng dẫn và đào tạo cán bộ nâng cao trình độ tay nghề, nắm bắt công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực trẻ giúp Công ty phát triển được bền vững.



- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty được luân phiên nhằm đảm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, hỗ trợ xe về nghỉ tết âm lịch, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Stt	Trình độ học vấn	Số lao động
1	Đại học và trên đại học	116
2	Cao đẳng	23
3	Trung cấp và kỹ thuật viên	103
4	Lao động phổ thông	2.556
	Tổng cộng:	2.798

4.2 Chính sách đối với người lao động

- Năm 2014, Công ty tuyển dụng hơn 700 công nhân và liên kết với Trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho toàn bộ lao động phổ thông. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất. Nhưng Công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của luật lao động như ốm đau, sinh sản . . .

- Thu nhập bình quân của CB-CNV là 8 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 4,5 triệu đồng/người/tháng. Thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết dương lịch và âm lịch. Mỗi tháng, Công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

4.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc, trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.

- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội qui lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.

- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY.

I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012 – 2016 có 08 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, một P.Chủ tịch HĐQT và 06 thành viên HĐQT. Trong đó, có 02 thành viên tham gia điều hành và 06 thành viên không tham gia điều hành.

- Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Số thành viên HĐQT dự họp luôn đảm bảo tỷ lệ 100%. Trong đó, có hai thành viên vì điều kiện công tác ở Hà Nội nên ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT.



1.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 – 2016 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 ủy viên. Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy chế chế của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà đại hội đồng cổ đông giao.

II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG**2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 23/01/2015 của Công ty gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	18.846.252	22,04
	<i>Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn</i>				
Tổng cộng:				18.846.252	22,04

2.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 04/02/2015 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 23/01/2015 đã lưu ký như sau:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	326. Hùng Vương - TP.LX – AG.	-	0.00%
2	Công Ty CP Tập Đoàn Sao Mai. Đại diện pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn.	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	18,846,252	22.04%
3	Nguyễn Văn Hưng	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ - TP.LX	580,176	0.68%

4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.LX	972,781	1.14%
5	Lê Xuân Quế	233088390	647B/33. Trần Hưng Đạo – LX	366,666	0.43%
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu Sao Mai - Bình Khánh 3 – TP.LX	17,640	0.02%
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên.	7,680	0.01%
8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.LX.	184,200	0.22%
9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai – Bình Khánh 3 – LX	516,720	0.60%
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn – Thanh Hóa	-	0.00%
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	36,000	0.04%
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định – TP.LX	14,400	0.02%
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hồ - TP.LX	7,422	0.01%
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo – TP.LX.	101,250	0.12%
15	Lê Khắc Tâm	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - LX	60,000	0.07%
Tổng cộng:				21,711,187	25.39%

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: “Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp giấy CNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ”.

Hiện nay, quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập nêu trên đã hết hiệu lực đối với trường hợp các cổ đông sáng lập của Công ty IDI.

2.3 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông được tại ngày 23/01/2015, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
	(1.000 đồng)		(1.000 đồng)		(1.000 đồng)	
Tổng vốn đầu tư CSH	852,522,570	99.71%	2,477,430	0.29%	855,000,000	100,00%
Cổ đông Nhà nước		0.00%		0.00%	-	0.00%
Cổ đông sáng lập	217,111,870	25.39%		0.00%	217,111,870	25.39%
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên		0.00%		0.00%	-	0.00%
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	267,693,660	31.31%		0.00%	267,693,660	31.31%
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	367,717,040	43.01%	2,477,430	0.29%	370,194,470	43.30%
Công đoàn Công ty		0.00%		0.00%	-	0.00%
Cổ phiếu quỹ		0.00%		0.00%	-	0.00%

2.4 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI.

Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai

- Vốn điều lệ : 1.072.877.400.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 107.287.740 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 25 ngày 08/12/2014.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaig.vn Email: thuansaomai@hotmail.com
- Mã số thuế : 16001690241.
- Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuận** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - o Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.
 - o Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.
 - o Nuôi trồng, chế biến thủy sản.
- Tình hình cổ phần:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI đến 23/01/2015	Số vốn cổ phần của ASM đến 23/01/2015	Tỷ lệ (%)
855.000.000.000	188.462.520.000	22,04%





2.5 Doanh nghiệp là công ty liên kết của IDI đang:

a). Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco.

- + Vốn điều lệ : 380.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 38.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 12 ngày 31/12/2014 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Văn Chính** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - o *Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.*
 - o *Nuôi trồng thủy sản nội địa.*
 - o *Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.*
 - o *Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
 - o *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2014	Tỷ lệ (%)
380.000.000.000	68.000.000.000	17,89%



Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá

b). Công ty CP dầu cá Châu Á – AFO

- + Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- + Thành lập ngày : 02/07/2010 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1401274641 và thay đổi lần thứ 06 ngày 24/06/2014.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Xuân Quế** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - o *Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Xây dựng công trình dân dụng.*



- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
 - Sản xuất kinh doanh dầu cá
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ AIM	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2014	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	21.319.500.000	17,77%



c). Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Tài chính – ASTAR.

- + Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
- + Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- + Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
- + Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 9 ngày 14/07/2011.
- + Đại diện theo pháp luật : Ông **Bùi Cao Cường** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- + Ngành nghề kinh doanh chính:
 - o Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
 - o Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.
- + Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ ASTAR	Số vốn đã góp của IDI đến 01/01/2013	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	30.000.000.000	25%

Trên đây là báo cáo thường niên 2014 của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI. Trân trọng kính chào!